

Bản tin

Thông tin Thương mại

Trung tâm Thông tin Công nghiệp và Thương mại – Bộ Công Thương

Thông tin chọn lọc, theo yêu cầu của các đơn vị, doanh nghiệp chuyên ngành Sản phẩm gỗ và Hàng thủ công mỹ nghệ

Số 13 ra ngày 28/3/2022

Trong số này:

Trang

ĐỊA CHỈ LIÊN HỆ	THÔNG TIN ĐÁNG CHÚ Ý TRONG TUẦN	2
TRUNG TÂM THÔNG TIN	THÔNG TIN ĐÁNG CHÚ Ý NGÀNH SẢN PHẨM GỖ VÀ TCMN.	3
CÔNG NGHIỆP VÀ	TÌNH HÌNH XUẤT - NHẬP KHẨU	4
THƯƠNG MẠI -	Xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ trong tăng nhẹ	4
BỘ CÔNG THƯƠNG	Tình hình xuất khẩu sản phẩm gỗ trong tuần.....	9
Phòng Thông tin	Tình hình nhập khẩu gỗ nguyên liệu trong tuần.....	18
Xuất nhập khẩu	Quý I/2022, xuất khẩu mây, tre, cói, thảm tăng mạnh	20
655 Phạm Văn Đồng –	Xuất khẩu mặt hàng mây, tre, cói, thảm trong kỳ.....	23
Bắc Từ Liêm – Hà Nội	THÔNG TIN THỊ TRƯỜNG QUỐC TẾ.....	25
Bộ phận biên tập:	Nga cấm xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ sang phương Tây	25
Tel: (024) 22192875	Mỹ xuất khẩu gỗ gỗ cứng tới Ấn Độ tăng mạnh trong năm 2021.....	25
Phụ trách nội dung	EU dự kiến thiếu gỗ sau khi xung đột vũ trang giữa Nga và Ucraina xảy ra.....	26
ĐT: 0986836889	THAM KHẢO	26
Bộ phận tư vấn thông tin	Danh sách cảnh báo sản phẩm phẩm có nguy cơ áp dụng biện pháp chống lẩn tránh, gian lận xuất xứ, chuyển tải bất hợp pháp hoặc biện pháp phòng vệ thương mại	26
và phát hành:	Diện tích rừng trồng 2 tháng đầu năm 2022 tăng 6,3% so với cùng kỳ năm 2021	28
Tel: (024) 37152586		
(024) 37152585		
(024) 37152584		
Fax: (024) 37152574		

Đề nghị không sao chép dưới mọi hình thức.

Doanh nghiệp có ý kiến phản hồi xin gửi về Ban biên tập

THÔNG TIN ĐÁNG CHÚ Ý TRONG TUẦN

1. Kinh tế thế giới

Tuần qua, cuộc xung đột chưa có hồi kết ở Ucraina, lo ngại lạm phát leo thang cùng với xu hướng thắt chặt tiền tệ của Ngân hàng Trung ương các nước tiếp tục tác động tiêu cực đến đà tăng trưởng của kinh tế toàn cầu. Trong khi đó, tình hình dịch Covid-19 ngày càng trở nên khó lường trước sự xuất hiện và lan rộng biến thể phụ BA.2 của Omicron, đặc biệt là tại Mỹ và các nước châu Âu. Hiện dịch đã bùng phát trở lại ở Trung Quốc, khiến nước này tiếp tục phong tỏa một số tỉnh, thành phố lớn như Thâm Quyển, Quảng Đông hay Cát Lâm. Việc phong tỏa những trung tâm công nghiệp này tác động mạnh đến nền kinh tế Trung Quốc, khiến tốc độ tăng trưởng của Trung Quốc trong năm 2022 ước tính sẽ thấp hơn 0,5 - 0,8 điểm phần trăm so với dự kiến. Diễn biến này một lần nữa đe dọa chuỗi cung ứng toàn cầu, làm gia tăng áp lực tăng giá và giảm sản lượng.

Trong thông báo mới nhất, Quỹ Tiền tệ quốc tế (IMF) nhận định, kinh tế toàn cầu trong năm nay vẫn tăng trưởng bất chấp xung đột tại Ucraina, tuy nhiên một số nền kinh tế yếu hoặc liên quan đến cuộc xung đột có thể rơi vào suy thoái, đồng thời dự kiến GDP của Ucraina có thể giảm tới 35% nếu cuộc chiến với Nga kéo dài.

Trong khi đó, Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (OECD) ước tính cuộc xung đột giữa Nga và Ucraina có thể làm giảm hơn một điểm phần trăm tăng trưởng toàn cầu trong năm nay và thêm 2,5 điểm phần trăm vào lạm phát.

Tại Mỹ, lạm phát tăng mạnh lên mức cao nhất trong 40 năm khiến giá nhà bán ra trung bình tại Mỹ trong tháng 2/2022 đã tăng tới 15% so với cùng kỳ năm trước, lên mức 357,3 nghìn USD/căn. Với diễn biến này, thị trường bất động sản Mỹ đang đứng trước khó khăn kép, đó là lãi suất thế chấp tăng cộng với giá nhà leo thang liên tục. Theo Báo cáo từ Hiệp hội Môi giới Bất động sản Quốc gia Mỹ (NAR), doanh số bán nhà sẵn có của Mỹ trong tháng 2/2022 đã giảm 7,2% so với cùng kỳ năm trước xuống 6,02 triệu căn, thấp hơn so với mức 6,41 triệu căn trong tháng 1/2022 và mức dự kiến đạt 6,1 triệu căn. Trong khi đó, tuần qua Chủ tịch Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (FED) cũng tiếp tục phát tín hiệu về khả năng sớm tăng lãi suất cao hơn so với mức tăng 0,25 điểm phần trăm trước đó nhằm kiềm chế đà tăng của lạm phát.

Tại châu Âu, cuộc xung đột lớn nhất châu lục trong vòng 80 năm qua cộng với việc phải giải quyết khủng hoảng tị nạn lớn nhất kể từ năm 2015 đến nay đã khiến niềm tin tiêu dùng của người dân giảm sút rõ rệt. Theo số liệu ước tính trong tháng 3/2022, chỉ số niềm tin tiêu dùng tại EU đã giảm tới 9,4 điểm so với tháng trước xuống -19,6 điểm và tại riêng khu vực Eurozone giảm 9,9 điểm xuống -18,7 điểm, đánh dấu các mức thấp nhất của chỉ số này trong 2,5 năm gần đây.

Dựa trên diễn biến thực tế, OECD đã dự báo, kinh tế châu Âu trong năm 2022 sẽ giảm ít nhất 1,4 điểm phần trăm và thậm chí có thể giảm mạnh hơn trong bối cảnh xung đột kéo dài ở Ucraina có thể sẽ gây ra tác động nặng nề hơn lên kinh tế châu Âu so với đại dịch Covid-19, do gián đoạn chuỗi cung ứng nghiêm trọng, tình trạng khan hiếm năng lượng và lạm phát tăng cao kỷ lục. Tuy nhiên, trong bài phát biểu mới nhất, Chủ tịch Ngân hàng Trung ương châu Âu (ECB) nhận định, không có dấu hiệu cho thấy nền kinh tế Eurozone bị đình trệ do tác động của cuộc xung đột tại Ucraina, đồng thời nhấn mạnh, với đã phục hồi kinh tế hiện nay, kinh tế khu vực có thể sẽ không bị chững lại trong năm 2022, cũng như trong năm 2023 và 2024.

2. Kinh tế trong nước

Cùng với những diễn biến khó lường của kinh tế toàn cầu, kinh tế Việt Nam cũng đang đứng trước nhiều sức ép cộng hưởng trước tác động tiêu cực của đại dịch Covid-19 trong suốt hai năm qua, sự thay đổi trong chính sách điều hành của Ngân hàng Trung

Thông tin Thương mại chuyên ngành SẢN PHẨM GỖ VÀ HÀNG THỦ CÔNG MỸ NGHỆ

ương các nước và gần đây là xung đột giữa Nga – Ucraina kéo theo hàng loạt tác động gián tiếp đến kinh tế trong nước.

Trước diễn biến này, Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính đã ký Công điện đôn đốc triển khai quyết liệt, hiệu quả Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội. Trong đó, khoảng 1/3 trong gói hỗ trợ 350.000 tỷ đồng phục hồi phát triển kinh tế - xã hội sẽ được dành cho đầu tư cơ sở hạ tầng, từ giao thông, y tế, nông nghiệp, chuyển đổi số... Bên cạnh đó, một trong những mục tiêu quan trọng của gói tài khóa có nội dung chi phát triển thể chế, thúc đẩy cải cách cơ cấu kinh tế, tạo động lực cho sự phục hồi, phát triển của nền kinh tế, mở ra thêm cơ hội về thu hút đầu tư nước ngoài. Đây được kỳ vọng sẽ tạo động lực mạnh mẽ để doanh nghiệp phục hồi sản xuất, tạo đà bứt phá và tăng trưởng cho nền kinh tế trong thời gian tới.

Trên thị trường tài chính tiền tệ, mặt bằng lãi suất huy động trong những tuần gần đây tiếp tục được điều chỉnh tăng tại nhiều ngân hàng thương mại với mức tăng phổ biến khoảng 0,2%/năm đối với các kỳ hạn trên 6 tháng trong bối cảnh áp lực lạm phát ngày càng hiện hữu và mặt bằng lãi suất huy động vẫn ở mức thấp. Khi lãi suất huy động tăng, lãi vay cũng sẽ biến động tăng lên. Diễn biến này đang gây sức ép lên chính sách điều hành của Ngân hàng Nhà nước khi đồng thời vừa phải kiểm soát lạm phát và phải hỗ trợ nền kinh tế phục hồi sau đại dịch Covid-19. Do đó, thị trường đang chờ đợi gói tín dụng hỗ trợ 2% lãi suất mà NHNN dự kiến sẽ triển khai trong thời gian tới để phần nào bù đắp cho phần tăng của mặt bằng lãi vay, thúc đẩy đà hồi phục của kinh tế trong nước.

Trong lĩnh vực thương mại, kim ngạch xuất nhập khẩu trong tháng 3/2022 và 3 tháng đầu năm đều tiếp tục xu hướng tăng. Kim ngạch xuất khẩu hàng hóa trong tháng 3/2022 ước đạt 32,5 tỷ USD, tăng 38,8% so với tháng 2/2022 và tăng 9,6% so với tháng 3/2021; đưa tổng kim ngạch xuất khẩu hàng hóa trong quý 1/2022 ước đạt 87,02 tỷ USD, tăng 10,9% so với cùng kỳ năm 2021. Trong khi đó, kim ngạch nhập khẩu hàng hóa trong tháng 3/2022 ước đạt 31,5 tỷ USD, tăng 24,1% so với tháng 2/2022 và tăng 10,5% so với tháng 3/2021; nâng tổng kim ngạch nhập khẩu hàng hóa trong quý 1/2022 ước đạt 86,6 tỷ USD, tăng 14,4% so với cùng kỳ năm 2021. Như vậy, ước tính Việt Nam xuất siêu 1 tỷ USD trong tháng 3/2022, giúp cho cán cân thương mại trong quý 1/2022 trở lại trạng thái xuất siêu với kim ngạch khoảng 420 triệu USD.

THÔNG TIN ĐÁNG CHÚ Ý NGÀNH SẢN PHẨM GỖ VÀ TCMN

TRONG NƯỚC:

- Theo ước tính, xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ trong tháng 3/2022 đạt 1,5 tỷ USD, giảm 2% so với tháng 3/2021. Trong đó, xuất khẩu sản phẩm gỗ ước đạt 1,12 tỷ USD, giảm 5,9% so với tháng 3/2021. Tính chung 3 tháng đầu năm 2022, kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ ước đạt 3,94 tỷ USD, tăng 3% so với cùng kỳ năm 2021. Trong đó, kim ngạch xuất khẩu sản phẩm gỗ ước đạt 2,97 tỷ USD, giảm 0,5% so với cùng kỳ năm 2021.
- Theo số liệu thống kê sơ bộ, kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ trong tuần từ ngày 15/3 đến 22/3 đạt 392,3 triệu USD, tăng 8,8% so với tuần trước đó. Trong đó, kim ngạch xuất khẩu đồ nội thất bằng gỗ đạt 281,7 triệu USD, tăng 10,6% so với tuần trước.
- Ước tính, nhập khẩu gỗ nguyên liệu tháng 3/2022 đạt 415,3 nghìn m³, trị giá 155,8 triệu USD, tăng 13,7% về lượng và tăng 15,2% về trị giá so với tháng 2/2022; so với tháng 3/2021 giảm 36,2% về lượng và giảm 21,7% về trị giá. Tính chung 3 tháng đầu năm 2022, nhập khẩu mặt hàng này ước đạt 1,204 triệu m³, trị giá 453,4 triệu USD, giảm 33,6% về lượng và giảm 17,9% về trị giá so với cùng kỳ năm 2021.

Thông tin Thương mại chuyên ngành SẢN PHẨM GỖ VÀ HÀNG THỦ CÔNG MỸ NGHỆ

- Theo số liệu thống kê sơ bộ, trong tuần từ ngày 15/3 đến 22/3/2022, kim ngạch nhập khẩu gỗ nguyên liệu đạt 55,3 triệu USD, tăng 13,8% so với tuần trước đó.
- Ước tính, xuất khẩu sản phẩm mây, tre, cói, thảm của Việt Nam trong tháng 3/2022 đạt 90 triệu USD, tăng 33,5% so với tháng 02/2022 và tăng 15,1% so với tháng 3/2021. Tính chung trong quý I/2022, xuất khẩu mây, tre, cói, thảm ước đạt 265,08 triệu USD, tăng 34,4% so với cùng kỳ năm 2021.
- Theo số liệu thống kê sơ bộ, kim ngạch xuất khẩu mây, tre, cói, thảm trong kỳ từ 08/3/2022 đến 22/3/2022 đạt 44,16 triệu USD, giảm 4,0% so với kỳ trước (từ 22/02/2022 đến 08/3/2022).

QUỐC TẾ:

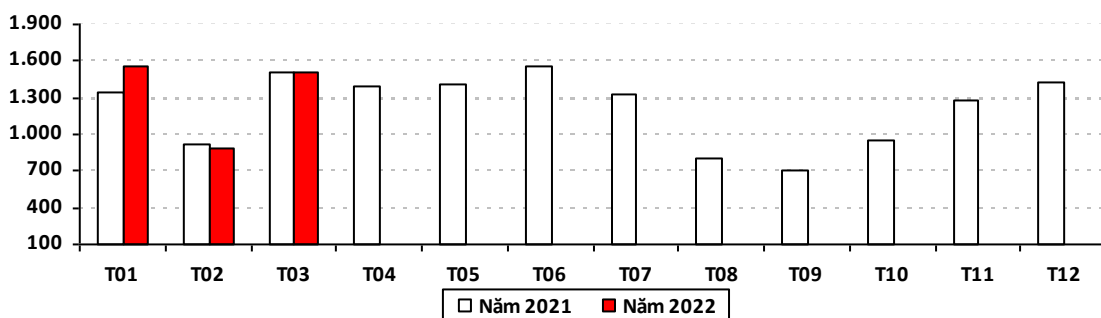
- **Mỹ:** Xuất khẩu gỗ cứng của Mỹ tới Ấn Độ trong năm 2021 tăng gấp đôi cả về lượng và trị giá so với năm 2020.
- **EU:** Các biện pháp trừng phạt của EU đối với gỗ nhập khẩu từ Nga vẫn chưa được công bố, nhưng vào ngày 10/3/2022, Bộ Công nghiệp và Thương mại Nga đã có lệnh cấm đối với tất cả các mặt hàng gỗ và các mặt hàng liên quan đến gỗ xuất khẩu sang các quốc gia như EU, Anh và Mỹ, lệnh cấm này sẽ áp dụng cho đến cuối năm 2022. Với lệnh cấm này của Nga, dự kiến EU sẽ thiếu hụt nguồn cung gỗ nguyên liệu trong năm 2022.

TÌNH HÌNH XUẤT - NHẬP KHẨU

Xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ trong tăng nhẹ

Kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ trong tháng 3/2022 ước tính đạt 1,5 tỷ USD, giảm 2% so với tháng 3/2021. Trong đó, xuất khẩu sản phẩm gỗ ước đạt 1,12 tỷ USD, giảm 5,9% so với tháng 3/2021. Tính chung 3 tháng đầu năm 2022, kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ ước đạt 3,94 tỷ USD, tăng 3% so với cùng kỳ năm 2021. Trong đó, kim ngạch xuất khẩu sản phẩm gỗ ước đạt 2,97 tỷ USD, giảm 0,5% so với cùng kỳ năm 2021.

Kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ của Việt Nam qua các tháng năm 2021 - 2022 (ĐVT: triệu USD)



Nguồn: Tổng cục Hải quan - số liệu ước tính tháng 3

Dịch bệnh Covid-19 vẫn diễn biến phức tạp, xung đột giữa Nga và Ucraina khiến cho nền kinh tế toàn cầu biến động theo chiều hướng tiêu cực. Trong đó, ngành gỗ cũng sẽ chịu tác động, tuy nhiên tác động của ngành gỗ không phải vì xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ sang thị trường Nga giảm, bởi Nga cũng không phải là thị trường lớn tiêu thụ các sản phẩm gỗ của Việt Nam. Những tác động gián tiếp đối với ngành gỗ khi xung đột giữa Nga và Ucraina kéo dài gồm:

Nga là thị trường cung cấp gỗ chính cho EU và Mỹ, khi lệnh cấm được thực thi các nước này sẽ hạn chế dần gỗ xuất khẩu nhằm bù đắp lượng thiếu hụt từ Nga, khiến nguồn

cung gỗ càng thêm khan hiếm, do đó các doanh nghiệp Việt Nam sẽ phải cạnh tranh mạnh với các doanh nghiệp các nước khác về nguồn gỗ nguyên liệu nhập khẩu, đặc biệt ở các thị trường cung gỗ nguyên liệu quan trọng cho Việt Nam là EU và Mỹ.

Giá gỗ nguyên liệu nhập khẩu tăng, làm giảm lợi thế cạnh tranh của các doanh nghiệp trong nước trên thị trường quốc tế.

Với sức ép từ các tổ chức môi trường, nếu các doanh nghiệp Việt Nam tiếp tục sử dụng gỗ Nga để sản xuất và xuất khẩu sang các nước Phương Tây sẽ là nguyên nhân hình thành các rủi ro mới.

Nga có vai trò quan trọng trong cung cấp xăng dầu và khí đốt cho thế giới. Do đó, xung đột và các lệnh trừng phạt đã khiến giá dầu và khí đốt tự nhiên tăng mạnh. Giá dầu tăng cao đã tác động làm tăng chỉ số giá của nhiều mặt hàng thiết yếu, ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động của các doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp logistics. Doanh nghiệp ngành gỗ bị động trong việc ký kết các đơn hàng xuất khẩu dài hạn với đối tác nước ngoài, do vậy nếu xung đột còn kéo dài, giá xăng dầu có thể tiếp tục tăng, như vậy đồng nghĩa với việc nguyên liệu đầu vào cho sản xuất, phí vận chuyển hàng hóa sẽ còn tăng, điều này sẽ làm doanh nghiệp giảm lợi nhuận và thậm chí thua lỗ.

Bên cạnh những tác động tiêu cực trong cuộc xung đột giữa Nga và Ucraina, ngành gỗ của Việt Nam cũng có cơ hội tăng trưởng.

Trong bối cảnh các nhà sản xuất nội thất châu Âu đang thiếu hụt nguyên liệu cho sản xuất, doanh nghiệp Việt Nam có thể tận dụng cơ hội để nhanh chóng bù đắp vào phần thiếu hụt này và mở rộng thị trường. Tuy nhiên, các doanh nghiệp cần cân nhắc kỹ khi sử dụng gỗ nhập khẩu từ Nga vì đang bị Mỹ và châu Âu cấm vận.

Ngoài ra, cơ hội đẩy mạnh xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ sang các thị trường khác như Mỹ, Nhật Bản, Hàn Quốc, Anh... vẫn rất khả quan, bởi nhu cầu nhập khẩu gỗ và sản phẩm gỗ từ các thị trường này vẫn tăng mạnh. Trong đó, Mỹ luôn là thị trường xuất khẩu chủ lực của ngành gỗ, xuất khẩu sang Mỹ tăng mạnh góp phần thúc đẩy ngành gỗ tăng trưởng tốt trong năm 2022. Tuy nhiên, xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ sang Mỹ các doanh nghiệp cũng cần cân trọng. Theo Cục phòng vệ Thương mại – Bộ Công Thương, trong danh sách cảnh báo sản phẩm có nguy cơ bị áp dụng biện pháp chống lẩn tránh, gian lận xuất xứ, chuyển tải bất hợp pháp hoặc biện pháp phòng vệ thương mại (cập nhật đến tháng 11 năm 2021), có 4 sản phẩm gỗ và đều xuất khẩu sang thị trường Mỹ. Do đó, xuất khẩu sang thị trường này các doanh nghiệp cần kiểm soát chặt chẽ nguồn gốc gỗ, đáp ứng tiêu chuẩn môi trường lao động, ứng phó hiệu quả trong các vụ kiện về phòng vệ thương mại.

Trung Quốc tiếp tục thực hiện chiến lược “zero Covid”, các ca nhiễm liên tục gia tăng khiến quốc gia này phải thực hiện nhiều biện pháp phong tỏa, cách ly nghiêm ngặt. Do đó, hoạt động sản xuất và xuất khẩu của nước này bị gián đoạn cũng là cơ hội để ngành gỗ tăng thị phần xuất khẩu tại các thị trường chủ lực như Mỹ, EU, Nhật Bản, Hàn Quốc.

Để ngành gỗ có cơ hội tăng trưởng khả quan, việc chủ động về nguồn nguyên liệu trong nước đóng vai trò quan trọng, giúp giảm các bất ổn từ nguồn cung gỗ nhập khẩu. Do đó, đòi hỏi nỗ lực chung của Chính phủ, cộng đồng doanh nghiệp và các hộ trồng rừng. Chính phủ có thể đưa ra các cơ chế, chính sách khuyến khích việc trồng rừng gỗ lớn cũng như thu hút doanh nghiệp chế biến vào đầu tư tại các vùng nguyên liệu rừng trồng. Ngoài ra, Việt Nam cần có chiến lược phát triển nguồn gỗ nguyên liệu rừng trồng, bao gồm việc đa dạng hóa các loại gỗ rừng trồng trong tương lai nhằm đáp ứng nhu cầu đa dạng trong chế biến.

Với việc chủ động nguồn nguyên liệu, tận dụng lợi thế từ các Hiệp định Thương mại tự do, tranh thủ cơ hội từ việc hạn chế nguồn cung tại các nước sản xuất đồ gỗ lớn trên thế

Thông tin Thương mại chuyên ngành SẢN PHẨM GỖ VÀ HÀNG THỦ CÔNG MỸ NGHỆ

giới, các doanh nghiệp Việt Nam có thể đẩy mạnh xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ trong thời gian tới. Dự báo, xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ của Việt Nam trong nửa đầu năm 2022 tăng từ 8% đến 10% so với cùng kỳ năm 2021.

Mặt hàng xuất khẩu

Trong 2 tháng đầu năm 2022, ghé khung gỗ là mặt hàng xuất khẩu dẫn đầu về kim ngạch với tỷ trọng chiếm 23,7% tổng kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ, giảm 0,7 điểm phần trăm so với cùng kỳ năm 2021. Kim ngạch xuất khẩu mặt hàng này đạt 578,1 triệu USD, tăng 3,5% so với cùng kỳ năm 2021. Tiếp theo là mặt hàng đồ nội thất phòng khách và phòng ăn chiếm 20,9% tổng kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ, đạt 499,5 triệu USD, giảm 1%; đồ nội thất phòng ngủ đạt 353,3 triệu USD, tăng 0,6%; gỗ ván và ván sàn đạt 320,6 triệu USD, tăng 41,2%; dăm gỗ đạt 274,2 triệu USD, giảm 2,5%...

Đáng chú ý, trong cơ cấu mặt hàng gỗ và sản phẩm gỗ xuất khẩu trong 2 tháng đầu năm 2022, kim ngạch xuất khẩu đồ nội thất nhà bếp tăng 47,4% so với cùng kỳ năm 2021, đạt 185,8 triệu USD. Triển vọng xuất khẩu đồ nội thất nhà bếp rất khả quan, bởi nhu cầu nhập khẩu đồ nội thất nhà bếp trên thị trường thế giới lớn, với trị giá nhập khẩu bình quân đạt 6,2 tỷ USD/năm trong giai đoạn 2016 – 2020 (theo số liệu thống kê từ Trung tâm Thương mại Quốc tế - ITC). Tuy nhiên kim ngạch xuất khẩu từ Việt Nam mới chỉ chiếm 4,8% tổng trị giá xuất khẩu trên toàn cầu. Như vậy, vẫn còn rất nhiều dư địa để các doanh nghiệp xuất khẩu đồ nội thất nhà bếp của Việt Nam khai thác trong thời gian tới.

Mặt hàng gỗ và sản phẩm gỗ xuất khẩu trong tháng 2 và 2 tháng đầu năm 2022

Mặt hàng	Tháng 02/2022 (Nghìn USD)	So với tháng 2/2021 (%)	2 tháng đầu năm 2022 (nghìn USD)	So với 2 tháng năm 2021 (%)	Tỷ trọng (%)	
					2T/2022	2T/2021
Tổng	882.297	-6,0	2.440.263	6,4	100,0	100,0
Ghé khung gỗ	230.711	2,7	578.122	3,5	23,7	24,4
Đồ nội thất phòng khách và phòng ăn	179.008	-11,1	499.524	-1,0	20,5	22,0
Đồ nội thất phòng ngủ	128.147	-3,6	353.275	0,6	14,5	15,3
Gỗ, ván và ván sàn	102.577	22,5	320.557	41,2	13,1	9,9
Dăm gỗ	92.519	-36,8	274.186	-2,5	11,2	12,3
Đồ nội thất nhà bếp	66.308	30,9	185.841	47,4	7,6	5,5
Đồ nội thất văn phòng	20.431	-24,1	55.407	-25,8	2,3	3,3
Cửa gỗ	2.325	-11,6	5.556	-4,8	0,2	0,3
Đồ gỗ mỹ nghệ	1.248	-17,7	5.310	29,9	0,2	0,2
Khung gương	228	-30,8	693	-6,3	0,0	0,0

Nguồn: Tính toán từ số liệu thống kê của Tổng cục Hải quan

Thị trường xuất khẩu

Kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ tới Mỹ trong 2 tháng đầu năm 2022 đạt 1,49 tỷ USD, tăng 7,8% so với cùng kỳ năm 2021, chiếm 60,9% tổng kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ.

Tiếp theo là thị trường Nhật Bản đạt 243 triệu USD, tăng 12,6% so với cùng kỳ năm 2021. Tiềm năng xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ, đặc biệt là mặt hàng đồ nội thất bằng gỗ sang Nhật Bản là rất lớn, bởi Nhật Bản là thị trường có sức tiêu thụ lớn, với dân số gần 126 triệu người và thu nhập bình quân đầu người khoảng 43.000 USD/người. Do đó, nếu tình hình dịch bệnh được kiểm soát, kinh tế phục hồi trở lại sẽ thúc đẩy nhu cầu tiêu dùng của người Nhật Bản ngày càng tăng cao. Ngoài ra, thị hiếu tiêu dùng của người Nhật Bản rất đa dạng, coi trọng chất lượng và tính tiện dụng của sản phẩm nhằm đáp ứng mọi nhu cầu trong cuộc sống hàng ngày. Vì vậy, các doanh nghiệp cần nghiên cứu tìm hiểu rõ về thị hiếu của người tiêu dùng, từ đó đa dạng hóa mẫu mã, hình thức sản phẩm, cùng với

Thông tin Thương mại chuyên ngành SẢN PHẨM GỖ VÀ HÀNG THỦ CÔNG MỸ NGHỆ

việc tìm cách nâng cao chất lượng sản phẩm, giảm giá thành.

Trong 5 thị trường xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ chính trong 2 tháng đầu năm 2022, chỉ có kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ tới thị trường Trung Quốc giảm, đạt 199,97 triệu USD, giảm 9,1% so với cùng kỳ năm 2021. Trung Quốc đang trải qua đợt bùng phát dịch Covid-19 mạnh nhất cho dù kiên trì thực hiện chiến lược “zero Covid”, các ca nhiễm liên tục gia tăng khiến quốc gia này phải thực hiện nhiều biện pháp phong tỏa, cách ly nghiêm ngặt tại nhiều tỉnh, thành phố giữ vai trò quan trọng trong việc phát triển kinh tế của Trung Quốc. Điều này làm gián đoạn sản xuất và thương mại tại nền kinh tế lớn thứ 2 thế giới cũng như đối với toàn cầu.

Trong 2 tháng đầu năm 2022, kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ tới thị trường Hàn Quốc đạt 152,9 triệu USD, tăng 18,9% so với cùng kỳ năm 2021. Xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ sang Hàn Quốc có nhiều cơ hội để đẩy mạnh, trước hết là dư địa thị trường còn lớn, tiếp theo là việc tận dụng tốt các ưu đãi từ Hiệp định Thương mại tự do giữa Việt Nam – Hàn Quốc cũng sẽ thúc đẩy ngành gỗ tăng trưởng khả quan trong thời gian tới.

Kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ tới thị trường EU đạt 127,2 triệu USD, tăng 9,7% so với cùng kỳ năm 2021. Xung đột giữa Nga và Ucraina khiến các nhà sản xuất nội thất châu Âu đang thiếu hụt nguyên liệu cho sản xuất, doanh nghiệp Việt Nam có thể tận dụng cơ hội để bù đắp vào phần thiếu hụt này và mở rộng thị trường.

Xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ tới các thị trường tháng 2 và 2 tháng đầu năm 2022

Thị trường	Tháng 02/2022 (Nghìn USD)	So với tháng 2/2021 (%)	2 tháng đầu năm 2022 (Nghìn USD)	So với 2 tháng năm 2021 (%)	Tỷ trọng (%)	
					2T/2022	2T/2021
Tổng	882.297	-6,0	2.440.263	6,4	100,0	100,0
Mỹ	559.571	0,6	1.486.959	7,8	60,9	60,1
Nhật Bản	94.775	12,6	242.913	12,6	10,0	9,4
Trung Quốc	65.657	-42,5	199.969	-9,1	8,2	9,6
Hàn Quốc	48.354	1,1	152.928	18,9	6,3	5,6
EU	41.966	-12,9	127.219	9,7	5,2	5,1
Đức	7.090	-38,6	27.049	5,5	1,1	1,1
Pháp	7.763	-22,2	23.561	-1,0	1,0	1,0
Hà Lan	6.517	-14,9	19.431	12,2	0,8	0,8
Bỉ	4.163	20,6	13.022	40,4	0,5	0,4
Đan Mạch	3.662	25,8	10.032	18,9	0,4	0,4
Thụy Điển	2.393	-0,1	6.646	19,4	0,3	0,2
Tây Ban Nha	2.096	-16,5	6.208	-12,0	0,3	0,3
Italia	2.137	-10,3	5.925	6,3	0,2	0,2
Ba Lan	1.890	-11,7	5.013	7,6	0,2	0,2
Ai Len	1.706	12,1	3.874	7,3	0,2	0,2
Rumani	533	65,8	1.242	69,3	0,1	0,0
Hy Lạp	333	75,7	957	102,0	0,0	0,0
Bồ Đào Nha	507	831,8	832	11,8	0,0	0,0
Croatia	386	261,8	754	94,9	0,0	0,0
Slovenia	154	-24,3	651	84,5	0,0	0,0
Bungari	179	74,4	534	45,8	0,0	0,0
Phần Lan	160	-20,9	509	97,4	0,0	0,0
...						
Anh	13.916	-11,8	44.644	22,0	1,8	1,6
Canada	13.519	-2,7	40.165	4,8	1,6	1,7

Thông tin Thương mại chuyên ngành SẢN PHẨM GỖ VÀ HÀNG THỦ CÔNG MỸ NGHỆ

Thị trường	Tháng 02/2022 (Nghìn USD)	So với tháng 2/2021 (%)	2 tháng đầu năm 2022 (Nghìn USD)	So với 2 tháng năm 2021 (%)	Tỷ trọng (%)	
					2T/2022	2T/2021
Australia	8.359	-8,1	28.885	12,0	1,2	1,1
Malaysia	6.081	18,6	17.230	41,8	0,7	0,5
Thái Lan	3.895	49,9	9.416	11,8	0,4	0,4
Đài Loan	3.581	37,1	12.629	46,1	0,5	0,4
Singapore	1.801	73,8	4.417	68,3	0,2	0,1
ả Rập Xê út	1.554	-54,9	4.344	-43,7	0,2	0,3
Indonesia	1.398	17,7	3.558	7,7	0,1	0,1
UAE	1.275	-21,7	3.576	-21,4	0,1	0,2
Chilê	1.051	2,9	3.107	28,5	0,1	0,1
Philippine	1.042	68,0	2.701	16,2	0,1	0,1
Campuchia	1.036	-11,9	3.386	18,4	0,1	0,1
Thụy Sĩ	929	-2,4	1.938	0,1	0,1	0,1
Mexico	873	12,3	3.472	41,2	0,1	0,1
New Zealand	848	-60,7	3.826	-24,2	0,2	0,2
Ấn Độ	815	-39,7	3.450	4,3	0,1	0,1
Hồng Kông	555	126,0	1.016	90,8	0,0	0,0
Andora	491	3700,6	689	1023,5	0,0	0,0
Puerto Rico	467	-55,7	1.798	-28,9	0,1	0,1
Nam Phi	386	17,8	1.000	31,6	0,0	0,0
Nga	382	-39,8	1.281	-9,4	0,1	0,1
Gioocdani	368	118,6	1.073	285,4	0,0	0,0
Ixraen	359	-0,8	730	4,2	0,0	0,0
Uzbekistan	263	871,5	884	491,8	0,0	0,0

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

Doanh nghiệp xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ của Việt Nam đạt kim ngạch cao trong tháng 2 và 2 tháng đầu năm 2022

Doanh nghiệp	Tháng 2/2022 (Nghìn USD)	2 tháng năm 2022 (nghìn USD)
CTY TNHH KỸ NGHỆ GỖ HOA NÉT	39.381	87.853
CTY TNHH HÀO HƯNG	12.173	52.913
CTY TNHH TIMBERLAND	19.538	45.217
CTY TNHH MILLENNIUM FURNITURE	14.275	33.870
CTY TNHH THANH THÀNH ĐẠT	15.137	32.743
CTY TNHH MOTOMOTION VIỆT NAM	10.036	31.327
CTY TNHH NỘI THẤT SANYANG VIỆT NAM	9.229	23.026
CTY TNHH POU SUNG VIỆT NAM	8.920	20.896
DOANH NGHIỆP CHẾ XUẤT NITORI VIỆT NAM	5.526	20.604
CTY TNHH NGÀNH GỖ FU MING VIỆT NAM	7.062	19.697
CTY TNHH SHING MARK VINA.	5.550	15.929
CTY TNHH ROCHDALE SPEARS	5.297	15.287
CTY TNHH CÔNG NGHIỆP GỖ KAISER 1 (VIỆT NAM)	5.963	14.862
CTY TNHH JUNMA PHÚ THỌ	615	14.416

Thông tin Thương mại chuyên ngành SẢN PHẨM GỖ VÀ HÀNG THỦ CÔNG MỸ NGHỆ

Doanh nghiệp	Tháng 2/2022 (Nghìn USD)	2 tháng năm 2022 (nghìn USD)
CTY TNHH SX NGUYÊN LIỆU GIẤY VIỆT NHẬT CÁI LÂN	3.860	14.067
CTY TNHH RK RESOURCES	6.315	13.869
CTY TNHH TIMBER INDUSTRIES	5.645	13.485
CTY CỔ PHẦN NGUYỆT ANH	2.685	13.270
XÍ NGHIỆP THẮNG LỢI - CHI NHÁNH CTY CỔ PHẦN PHÚ TÀI	5.635	13.098
CTY TNHH DANH ỨU	5.389	12.585
CTY TNHH MỘT THÀNH VIÊN HÀO HƯNG QUẢNG NGÃI	6.254	12.448
CTY CỔ PHẦN JOHNSON WOOD	5.471	12.112
CTY TNHH MỘT THÀNH VIÊN NĂNG LƯỢNG AN VIỆT PHÁT	4.410	11.895
CTY TNHH HOÀNG ĐẠI VƯƠNG	3.436	11.882
CTY TNHH WOODWORTH WOODEN (VIỆT NAM)	5.167	11.592
CTY CỔ PHẦN POH HUAT VN	5.150	11.550
CTY CỔ PHẦN SẢN XUẤT - THƯƠNG MẠI – DỊCH VỤ TÂN MỸ	2.838	11.263
CTY CỔ PHẦN LÂM SẢN NAM ĐỊNH	4.071	11.083
CTY CỔ PHẦN GREEN RIVER FURNITURE	4.721	10.477
CTY TNHH GLORY OCEANIC (VIỆT NAM)	3.891	10.270
CTY TNHH KỸ NGHỆ CỬA Ý - Á CHÂU	3.942	10.082
CTY TNHH GREAT VECA VIỆT NAM	4.675	9.504
CTY TNHH NỘI THẤT TỦ B?P OWEN VIỆT NAM	2.703	9.418
CTY CỔ PHẦN NĂNG LƯỢNG SINH HỌC PHÚ TÀI	5.607	9.375

(Số liệu thống kê sơ bộ, chỉ sử dụng để tham khảo)

Tình hình xuất khẩu sản phẩm gỗ trong tuần

(từ ngày 15/3/2022 đến 22/3/2022)

Theo số liệu thống kê sơ bộ, kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ trong tuần từ ngày 15/3 đến 22/3/2022 đạt 392,3 triệu USD, tăng 8,8% so với tuần trước đó. Trong đó, kim ngạch xuất khẩu đồ nội thất bằng gỗ đạt 281,7 triệu USD, tăng 10,6% so với tuần trước đó.

Mặt hàng đồ nội thất bằng gỗ xuất khẩu tới một số thị trường chính trong tuần như: Mỹ đạt 179,8 triệu USD, giảm 9,5% so với tuần trước; thị trường Hồng Kông đạt 26,8 triệu USD, tăng 100.165%; Nhật Bản đạt 12,4 triệu USD, giảm 1,3%; thị trường Đài Loan đạt 8,6 triệu USD; Anh đạt 6,8 triệu USD, tăng 1,1%...

Tham khảo giá một số lô hàng sản phẩm gỗ xuất khẩu trong tuần (Giá: FOB)

Thị trường	Mặt hàng	ĐVT	Lượng	Đơn giá (USD)	Cảng-cửa khẩu
Đài Loan	Bàn(VT14981-48)gỗ dương xẻ,gỗ cao su xẻ,sồi xẻ(3048*1067*762mm)	Cái	2	723,6	Cái Mép
	Tủ(3034063-1295)gỗ cao su xẻ,gỗ sồi xẻ (1219*457*2591mm)	Cái	2	865,8	Phước Long
	Ghế đã nhồi nệm(3005190-0000-A2CTIV00) gỗ cao su xẻ(708*820*721mm)	Cái	3	777,6	Cái Mép
	Ghế đã nhồi nệm(1000140-1051-A2BMCO00) gỗ cao su xẻ,gỗ sồi xẻ(762*941*915mm)	Cái	1	693,1	Cái Mép
Đảo British Virgin	Tủ gỗ thông 900mm x 1600mm x 450mm	Cái	8	269,3	Cát Lái
	Bàn gỗ thông 775mm x 1830 (2440)mm x 1120mm	Cái	10	215,2	Cát Lái
	Kệ sách gỗ thông 1950mm x 975mm x 345mm	Cái	5	141,4	Cát Lái
Đan Mạch	Ghế sofa gỗ thông bọc vải 3- 1256 213*300*83cm	Bộ	1	579,4	Cát Lái

Thông tin Thương mại chuyên ngành SẢN PHẨM GỖ VÀ HÀNG THỦ CÔNG MỸ NGHỆ

Thị trường	Mặt hàng	ĐVT	Lượng	Đơn giá (USD)	Cảng-cửa khẩu
	Bàn tròn lớn CHUNKYTABLEO1800- GREY gỗ thông (1800x1800x750)mm	Cái	4	1.302,0	Cát Lái
	Giường 5.0 (internal 1540x2020) gỗ sồi và gỗ thông	Cái	24	147,2	Cát Lái
	Tủ 3 cánh cửa MDF và gỗ OAK 1500 x430 x750mm	Bộ	36	153,1	Đồng Nai
Đức	Tủ nhãn hiệu 873788, quy cách: (840x540x1890)mm,gỗ giá ty	Cái	10	675,1	Cái Mép
	Bàn xếp hần hiệu 2369C, quy cách: (1400x1000x705)mm, gỗ giá ty	Cái	15	219,9	Cái Mép
	Kệ nhãn hiệu 804861C, gỗ giá ty FSC100% quy cách:(1800X580X165)mm	Cái	75	106,9	Cái Mép
Ả rập Xê út	Tủ quần áo 1836 (1422x483x838H)mm, (Gỗ dương xẻ, ván ép)	Cái	22	296,9	Cont Spitic
	Giường nội 1833 (1406x786x965)mm, (Gỗ dương xẻ, ván ép)	Cái	25	294,1	Cont Spitic
	Ghế gỗ 5111-XB (1528673) (qc:572*445*457H)mm (Gỗ dương xẻ, ván ép, ván MDF)	Cái	25	89,9	Cont Spitic
Ai Len	Bàn tròn gỗ sồi Kích thước (1600 x 790)mm- Mã sản phẩm: M-RDT025(OS-RDT009)	Cái	11	293,1	Cát Lái
	Giường gỗ sồi-kích thước (1530 x 2100 x 1250)mm(750)- Mã sản phẩm: DWO-QB016	Cái	5	276,2	Cát Lái
	Ghế băng gỗ sồi (1900 x 360 x 500)mm- Mã sản phẩm: M-B023	Cái	10	112,7	Cát Lái
	Tủ bằng gỗ thông-FBO-WD02PLR/FMT (1040 x 584 x 1860) mm	Cái	20	276,0	Cái Mép
Anguyla	Tủ trang điểm gỗ cao su, ván gỗ ép, ván MDF (1614*457*1016)mm	Cái	22	233,5	Cái Mép
	Bàn làm việc (B) gỗ cao su, gỗ dương,(1422*660*775)mm	Cái	34	191,3	Bình Dương
	Kệ (B) gỗ cao su, gỗ dương, ván MDF (813*483*1829)mm	Cái	12	151,8	Bình Dương
Anh	Bàn để đèn BOSTON 50x60x47cm, Oak Furnitureland, gỗ sồi	Cái	14	537,5	Cát Lái
	Tủ 3 buồng BOSTON 154x195x65cm, Oak Furnitureland, gỗ sồi	Cái	11	537,5	Cát Lái
	Giường gỗ sồi,thông- JLD-DB05H/V3P-2040 x 1500 x 1050 mm	Cái	50	418,0	Cát Lái
	Bàn, nhãn hiệu logo chữ K, quy cách(2000/2500x1000x780)mm, đồ gỗ sử dụng trong Phòng bếp gỗ sồi, gỗ thông	Cái	6	316,1	Cát Lái
	Kệ sách gỗ sồi,thông- FTO-KS07/VTR (1695 x 360 x 2000) mm	Cái	10	353,0	Cái Mép
Australia	Giường(2200x1610x890 mm) gỗ sồi nhập khẩu	Cái	5	403,7	Cát Lái
	Tủ Harmony Sideboard: (1800x450x840 mm) gỗ sồi	Cái	11	361,7	Cát Lái
	Kệ, chân chưa lắp ráp (1100x450x1870 mm) gỗ sồi nhập khẩu	Cái	16	241,2	Cát Lái
	Ghế(740x850x745)mm Gỗ sồi, mê nệm	Cái	18	281,0	Vict
	Bàn(2000x1000x750)mm Gỗ sồi, MDF, veneer, chân sắt	Cái	16	278,0	Vict
Belize	Tủ áo (48-3/7*19*62)"- Gỗ cao su, thông, ván pb, ván ép	Cái	6	253,3	Cái Mép
	Giường BV2945-KE (2458*2134*1972)mm, gỗ dương	Bộ	15	311,2	Cát Lái
	Ghế DV1238-SC-BL (635*547*1016)mm,gỗ thông	Cái	122	166,7	Cát Lái
	Bàn 2150T-44108-T (2060*1185*200)mm, gỗ dương	Cái	41	250,7	Đồng Nai
Bỉ	Bàn nhãn hiệu LP-84513 gỗ giá ty FSC LP-84513, 3150x1150x750 mm	Cái	2	691,0	Bà Rịa
	Tủ gỗ óc chó (1640x526x460)mm	Cái	8	695,1	Cát Lái
	Giường (W2086 x D1754 x 1160H)mm, gỗ sồi	Cái	12	293,6	Cát Lái
	Ghế gỗ sồi 10607-001 (450 x 1800 x 420mm)	Cái	30	100,5	Qt Sp-Ssa (Scit)
Các Tiểu vương quốc Ả rập thống nhất	Tủ quần áo 5118-XB (6640099), qc: (1574*534*891H)mm, (Gỗ dương xẻ, gỗ thông xẻ)	Cái	20	381,6	Cát Lái
	Giường nội 1833 (1406x786x965)mm, (Gỗ dương xẻ, ván ép)	Cái	55	294,1	Cát Lái
	Ghế sofa góc gỗ trầm, ván ép, nệm, mosse bọc vải, (1 Bộ =2 cái gồm LxWxH:1473*765*655(mm), 914*788*655(mm)	Bộ	28	215,4	Bình Dương
	Bàn bằng gỗ trầm, sồi veneer, kích thước (2342 x 1000 x 750) mm	Cái	65	220,0	Transimex
Canada	Tủ tivi 2 cánh 3 hộc gỗ óc chó và MDF, mới 100%, L: 200cm, W: 45.2cm, H: 72.5cm, mã HGEM759	Cái	2	421,0	Cát Lái
	Giường gỗ trầm và MDF 5151x2045x762 mm	Cái	15	302,8	Đồng Nai
Chilê	Tủ đựng rượu gỗ thông pallet tái chế_(73x43x176)cm	Bộ	10	218,0	Cát Lái

Thông tin Thương mại chuyên ngành SẢN PHẨM GỖ VÀ HÀNG THỦ CÔNG MỸ NGHỆ

Thị trường	Mặt hàng	ĐVT	Lượng	Đơn giá (USD)	Cảng-cửa khẩu
	Kệ sách gỗ thông pallet tái chế_ (204x38x30)cm	Bộ	16	154,4	Cát Lái
Ấn Độ	Giường nôi 1263-6-FW WB (5862094), qc: (1418x815x1200)mm, (Gỗ dương xẻ, ván MDF)	Cái	3	363,9	Bình Dương
	Tủ 5 ngăn (711x457x1181)mm- ván: mdf, ép- gỗ: bạch đàn	Cái	12	151,0	Bình Dương
Hà Lan	Bàn (180X90X75CM) -Light Teak Look - (gỗ keo)	Cái	27	136,3	Cái Mép
	Ghế (HELSINKI LOUNGE BENCH 2S 80X174X69CM) -Light Teak Look - gỗ ACACIA (gỗ keo)	Cái	170	179,1	Phước Long
	Tủ Cera 2 ngăn (600x460x380)mm của nhãn hiệu Hasena sử dụng trong phòng ngủ gỗ sồi	Cái	56	111,8	QT SP-SSA (SSIT)
Hàn Quốc	Giường tầng gỗ cao su (hàng tháo rời, BED501, kích thước: 1220x1620x2220mm)	Bộ	40	400,0	Cát Lái
	Ghế sofa SF-334 4P, KT (2.2*0.95*0.57)M, gỗ thông	Bộ	42	300,0	Cát Lái
	Bàn gỗ sồi, 165X75X75CM, Mã: MHO1008-D-M	Cái	20	634,0	Cát Lái
	Tủ 6 hộc kéo 9119-78-6 (1350*450*865)mm (gỗ beech, gỗ óc chó)	Cái	99	314,0	Cát Lái
Hong Kong	Bàn (gỗ beech) 003492-AC - (1460x800x785)mm	Cái	7	2.495,0	Cát Lái
	Ghế gỗ dán, dương, thép, bọc vải (2620x954x714)mm	Cái	4	1.050,0	Cont Spic
	Tủ gỗ dán, sồi, dẻ gai, đá nhân tạo, kính (2972x610x2413mm)	Cái	2	3.220,0	KV.TP HCM
	Giường gỗ dương, sồi, ván lạng, MDF, da (2273x2159x1829mm)	Cái	1	2.772,8	Long Bình
Mêhicô	Bàn làm việc 33523-DK (3854118), qc: (995x490x763H)mm, (Gỗ dương xẻ, gỗ thông xẻ)	Cái	20	163,7	Cát Lái
	Tủ quần áo 1836 (9898905)(1422x483x838H)mm, (Gỗ dương xẻ, ván ép)	Cái	15	296,9	Bình Dương
	Giường nôi 1833 (487995),(1406x786x965)mm, (Gỗ dương xẻ, ván ép)	Cái	15	294,1	Bình Dương
Malaysia	Giường tầng gỗ thông - MWD2026 (2000x1480x1600) mm gỗ thông	Cái	164	191,0	Cát Lái
	Tủ wardrobe gỗ trầm ,nhãn hiệu FCVN31 (1070*580*1970)mm	Cái	40	336,0	Cont Spic
	Bàn ăn 1928-78NG (1981.2*965.2*774.7)mm, nhãn hiệu 1928-78NG, dùng trong nhà bếp gỗ cao su	Cái	62	154,3	Cont Spic
Mỹ	Bàn (gỗ trầm bông vàng, alder, sồi, xà cừ)493063-SPC005 - (1800x935x776)mm	Cái	1	4.752,0	Cát Lái
	Ghế SOFA bọc da, khung gỗ thông, bạch đàn, bạch dương quy cách: 2150*1000*800mm	Cái	4	1.591,9	Đồng Nai
	Tủ áo gỗ trầm, ván MDF CSG-104 - (3213*653*2432) mm	Cái	1	4.581,6	Cái Mép
Nam Phi	Tủ gỗ Tràm có quy cách : 160x46x81 cm có nhãn hiệu là Ottawa-SH01	Cái	44	221,8	Cát Lái
	Bàn gỗ Tràm có quy cách : 180x90x78 cm có nhãn hiệu là Ottawa-SH06	Cái	35	148,7	Cát Lái
	Giường-V2B-QB154193 - 1540x1930x1150 (gỗ thông, gỗ sồi, ván MDF)	Cái	35	139,0	Cát Lái
New Zealand	Tủ buffet 1700 bằng ván mdf và gỗ oak, KT: 1700 x 450 x 750mm,	Cái	1	753,0	Cát Lái
	Kệ A275 - gỗ thông, MDF & ván ép, kích thước (175x45x217)cm	Cái	6	745,3	Cát Lái
	Bàn rút bằng ván mdf và gỗ oak , KT: 1800 x 950 x 750mm	Cái	1	609,0	Cát Lái
	Ghế sofa(1000x905x653)mm Gỗ độc cần	Cái	8	195,0	Cát Lái
	Giường gỗ Thông(nhãn hiệu-ALTON-QB01)(800X800X775)mm	Cái	8	148,0	Cát Lái
Nhật Bản	Tủ MOEBIUS - 210 TV gỗ cao su, QC:(2094x411x1900)mm	Bộ	60	246,5	Cát Lái
	Bàn gỗ óc chó (1800x800x710) mm	Cái	30	413,8	Cát Lái
	Ghế gỗ óc chó-cao su (740x1600x820) mm	Cái	5	331,6	Cát Lái
	Kệ gỗ Sồi (Nhãn hiệu 0020337), QCSP: (1600 x 400 x 380)mm,	Cái	20	127,1	Cát Lái
Puerto Rico	Ghế sofa (có gắn bàn nhỏ) có khung gỗ trầm và ván MDF, đã nhồi nệm (1690x830x790)mm	Bộ	40	96,4	Cát Lái
	Bàn D647-32 (1524 x1016 x 915)mm, sơn 3 lớp (gỗ cao su xẻ, ván ép, gỗ trầm, gỗ Oak)	Cái	14	133,6	Cát Lái
	Tủ D647-60(1469 x 914 x 460)mm, sơn 3 lớp (gỗ cao su xẻ, gỗ trầm, gỗ Oak)	Cái	18	117,1	Cát Lái
	Kệ tủ D647-76 (1905 x 711 x 398)mm, sơn 3 lớp (gỗ cao su xẻ, gỗ trầm)	Cái	6	100,6	Cát Lái
Pháp	Tủ A330 - gỗ thông, kích thước (190x45x220)cm	Cái	3	1.171,3	Cát Lái

Thông tin Thương mại chuyên ngành SẢN PHẨM GỖ VÀ HÀNG THỦ CÔNG MỸ NGHỆ

Thị trường	Mặt hàng	ĐVT	Lượng	Đơn giá (USD)	Cảng-cửa khẩu
	Bàn A425 - gỗ sồi & gỗ thông, kích thước (290x120x77.5)cm	Cái	1	613,9	Cát Lái
	Ghế FC160 - gỗ thông, gỗ tần bì, ván ép, có đệm vải mặt lưng và mặt Ghế, kích thước (85x86x83.5)cm	Cái	2	362,8	Cát Lái
	Giường MBL9 gỗ thông, kích thước (156x209x106)cm	Cái	25	314,3	Cát Lái
	Kệ sách gỗ thông (946 x 444 x 1914)mm	Cái	45	95,9	Cont Spitc
Philippine	Tủ phòng ngủ 33523-3D-SW (3220778), qc: (914x396x760H)mm, (Gỗ dương xẻ, gỗ thông xẻ, ván ép)	Cái	6	166,7	Bình Dương
	Bàn làm việc 33523-DK (3854118), qc: (995x490x763H)mm, (Gỗ dương xẻ, gỗ thông xẻ, ván ép)	Cái	6	163,7	Bình Dương
Singapore	Bàn (40 X100X75.5CM) - Off White - gỗ ACACIA (gỗ keo	Cái	2	283,5	Cái Mép
	Tủ Dresser 4 hộc kéo- Oak ,Gỗ dán công nghiệp, sử dụng trong văn phòng, model:SR-DRS-70432-J , kích thước 1400x400x762mm	Cái	95	242,0	Cát Lái
	Tủ gỗ dùng trong nhà tắm gỗ cao su, không nhãn hiệu, quy cách: 1829mmx546mmx838mm, Model: 72WPALACE	Cái	49	371,2	Long Bình
Tây Ban Nha	GiườngGỗ sồi, Gỗ thông và MDF (1620x2000x1100mm)	Cái	45	165,0	Cát Lái
	Tủ bằng gỗ Sồi và MDF (500x410x600mm).	Cái	63	74,0	Cát Lái
	Bàn chữ nhật CHT1741(200x100x75cm) - Gỗ Keo FSC	Cái	71	130,8	Tiên Sa
	Ghế tắm nắng CHC2172 (194/184x73.5x71/94cm)- Gỗ Keo FSC	Cái	39	95,7	Tiên Sa
Trung Quốc	Ghế sofa lớn 3 chỗ, bọc da, vải và PVC, ván ép, gỗ thông, đàn hồi tự động(112*38.5*40)"	Cái	17	1.263,0	Bà Rịa
	Bàn (gỗ trầm bông vàng, xà cừ, beech)11B5501800300102 - (1473x1473x533)mm, nhãn hiệu JR Modern	Cái	9	1.485,8	Cát Lái
	Tủ JR57-5031-01 - (gỗ trầm bông vàng, beech) (864x483x812)mm	Cái	4	766,0	Cát Lái
	Kệ gỗ óc chó 30697-002(1750x1000x380mm)	Cái	40	305,2	Cát Lái
	Giường dùng trong phòng ngủ (ván ép, ván dăm, ván mdf, gỗ alder Ghép, gỗ cao su Ghép) (2115x870x1870)mm	Cái	5	177,0	Cát Lái
Xây sen	Bàn Lớn 31300, nhãn hiệu 31300 (2133.6*1066.8*762)mm, dùng trong nhà bếp gỗ cao su	Cái	26	170,0	Cont Spitc
	Giường B1100 KE (2458*2134*1972)mm, gỗ dương	Bộ	11	297,4	Đồng Nai
Xamoa	Tủ trang điểm (66 x 20 1/2 x 40) inch, Gỗ cherry	Cái	59	486,5	Cái Mép
	Bàn (gỗ) (67 x 32 x 31) Inch, Gỗ cherry	Cái	27	328,2	Cái Mép
	Ghế (X) gỗ cao su, gỗ dương, ván MDF (1276*419*489)mm	Cái	8	77,2	Cái Mép

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

Nhập khẩu gỗ nguyên liệu giảm 36,2% về lượng trong 3 tháng đầu năm 2022

Ước tính, nhập khẩu gỗ nguyên liệu tháng 3/2022 đạt 415,3 nghìn m³, trị giá 155,8 triệu USD, tăng 13,7% về lượng và tăng 15,2% về trị giá so với tháng 2/2022; so với tháng 3/2021 giảm 36,2% về lượng và giảm 21,7% về trị giá. Tính chung 3 tháng đầu năm 2022, nhập khẩu mặt hàng này ước đạt 1,204 triệu m³, trị giá 453,4 triệu USD, giảm 33,6% về lượng và giảm 17,9% về trị giá so với cùng kỳ năm 2021.

Theo ước tính, kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ 3 tháng đầu năm 2022 tiếp tục giữ được mức tăng trưởng ước đạt 3,94 tỷ USD, tăng 3,0% so với cùng kỳ năm 2021. Mặc dù, xuất khẩu tăng trong 3 tháng đầu năm nay, song hoạt động xuất khẩu mặt hàng này của Việt Nam trong thời gian tới sẽ gặp không ít khó khăn, thách thức từ những yếu tố rủi ro khó lường của dịch bệnh, lạm phát, chi phí logistics tăng cao và đặc biệt là tình hình xung đột giữa Nga – Ucraina.

Năm 2021, kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ của Nga đạt khoảng 12,3 tỷ

USD; trong đó chủ yếu là mặt hàng gỗ nguyên liệu. Trong khi đó, Việt Nam là một quốc gia phụ thuộc lớn vào nguồn gỗ nguyên liệu nhập khẩu, với lượng nhập khoảng 5-6 triệu m³ gỗ quy tròn mỗi năm, vì vậy những tác động từ xung đột Nga - Ucraina đối với ngành gỗ Việt Nam là rất lớn. Nếu căng thẳng Nga-Ucraina tiếp tục leo thang và các nước phương Tây gia tăng trừng phạt khiến việc xuất khẩu gỗ của Nga bị gián đoạn sẽ tạo nên sự thiếu hụt về nguồn cung cho các quốc gia chế biến gỗ bao gồm Trung Quốc và nhiều nước tại châu Âu. Khi đó, các doanh nghiệp chế biến gỗ Việt Nam sẽ phải cạnh tranh với các doanh nghiệp các nước khác về nguồn gỗ nguyên liệu nhập khẩu. Việc này cũng đẩy giá gỗ nguyên liệu nhập khẩu gia tăng, làm giảm lợi thế cạnh tranh của các doanh nghiệp trong nước trên thị trường quốc tế.

Trong khi đó, ngay khi xảy ra xung đột, giá gỗ nguyên liệu nhập khẩu từ Nga và EU đều tăng nhanh. Chi phí vận chuyển cũng tiếp tục tăng và nhiều hãng tàu đã thông báo từ chối nhận đơn hàng đến và đi từ Nga.

Đáng chú ý, dù tỷ trọng gỗ nhập khẩu từ Nga về Việt Nam không cao, chỉ chiếm 3,2% về lượng, nhưng đều là các sản phẩm đặc thù như bạch dương, sồi phục vụ sản xuất các mặt hàng tủ bếp, tủ nhà tắm xuất khẩu theo yêu cầu của khách hàng. Để tìm nguồn cung thay thế trong thời gian ngắn rất khó khăn. Cùng với đó, sức ép từ các tổ chức môi trường và nhân quyền đối với các doanh nghiệp tiếp tục sử dụng gỗ Nga gia tăng, cả đối với các doanh nghiệp nhập khẩu trực tiếp và các doanh nghiệp nhập khẩu gỗ Nga thông qua Trung Quốc, sẽ gây rủi ro cho các doanh nghiệp nếu tiếp tục sử dụng gỗ nguyên liệu từ Nga, sản phẩm đồ gỗ có thể bị tẩy chay. Vì vậy, các doanh nghiệp cần đánh giá nguy cơ rủi ro khi nhập khẩu gỗ nguyên liệu từ Nga để có giải pháp nguyên liệu phù hợp.

Dự báo, nhập khẩu gỗ nguyên liệu của Việt Nam trong thời gian tới sẽ giảm do nguồn cung hạn chế, chi phí logistic tăng cao.

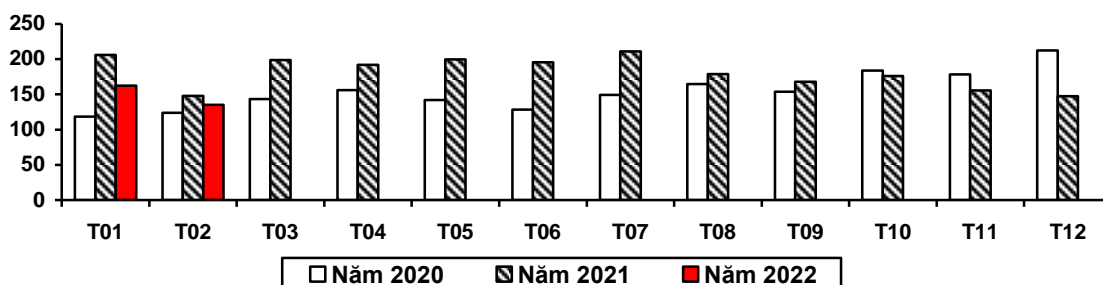
Để tránh phụ thuộc vào nguồn nguyên liệu nhập khẩu, các doanh nghiệp cần tăng cường sử dụng nguồn nguyên liệu trong nước. Bên cạnh đó, Hiệp hội Gỗ và Lâm sản Việt Nam đã kiến nghị Chính phủ đưa ra các cơ chế chính sách nhằm khuyến khích việc trồng rừng gỗ lớn. Các cơ chế chính sách cũng cần tập trung vào tạo môi trường nhằm thu hút doanh nghiệp chế biến vào đầu tư tại các vùng nguyên liệu rừng trồng. Đồng thời cần thúc đẩy liên kết giữa doanh nghiệp và các hộ trồng rừng nhằm tạo nguồn gỗ lớn có chất lượng cao, đáp ứng nhu cầu chế biến xuất khẩu.

Tình hình nhập khẩu gỗ nguyên liệu 2 tháng đầu năm 2022

Theo số liệu thống kê từ Tổng cục Hải quan, nhập khẩu gỗ nguyên liệu tháng 2/2022 đạt 365,2 nghìn m³, trị giá 135,2 triệu USD, giảm 14,0% về lượng và 16,8% về trị giá so với tháng 1/2022; so với tháng 2/2021 giảm 25,1% về lượng và giảm 8,6% về trị giá. Tính chung 2 tháng đầu năm 2022, nhập khẩu mặt hàng này đạt 789,5 nghìn m³, trị giá 297,6 triệu USD, giảm 32,2% về lượng và giảm 15,8% về trị giá so với cùng kỳ năm 2021.

Trị giá nhập khẩu gỗ nguyên liệu của Việt Nam từ năm 2020 - 2022

(ĐVT: Triệu USD)



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Thông tin Thương mại chuyên ngành SẢN PHẨM GỖ VÀ HÀNG THỦ CÔNG MỸ NGHỆ

+ Về chủng loại nhập khẩu:

2 tháng đầu năm 2022, lượng nhập khẩu các chủng loại gỗ lớn như: gỗ thông, tần bì, dương, gỗ, sồi, bạch đàn... giảm so với cùng kỳ năm 2021. Trong khi đó, lượng nhập khẩu một số chủng loại tăng như: gỗ lim, hương, teak, sến, cao su... Cụ thể;

Nhập khẩu gỗ thông lớn nhất, chiếm 14,9% tổng lượng gỗ nguyên liệu nhập khẩu trong 2 tháng đầu năm 2022, đạt 117,9 nghìn m³, trị giá 32,6 triệu USD, giảm 59,1% về lượng và giảm 47,6% về trị giá so với cùng kỳ năm 2021.

Nhập khẩu gỗ tần bì cùng xu hướng giảm 44,6% về lượng và giảm 46,8% về trị giá so với cùng kỳ năm 2021, đạt 52,9 nghìn m³, trị giá 12,0 triệu USD, chiếm 6,7% tổng lượng gỗ nguyên liệu nhập khẩu.

Nhập khẩu gỗ dương đạt 48,1 nghìn m³, trị giá 23,1 triệu USD, giảm 15,2% về lượng và tăng 18,3% về trị giá so với cùng kỳ năm 2021.

Ngoài ra, nhập khẩu một số chủng loại gỗ giảm so với 2 tháng đầu năm 2021 như: gỗ gụ giảm 9,5%; sồi giảm 36,5%; bạch đàn giảm 41,6%; xoan giảm 4,4%; dẻ gai giảm 51,8%...

Trái lại, nhập khẩu gỗ lim trong 2 tháng đầu năm 2022 tăng 57,9% về lượng và tăng 57,1% về trị giá so với cùng kỳ năm 2021, đạt 98,4 nghìn m³, trị giá 40,0 triệu USD, chiếm 12,5% tổng lượng gỗ nguyên liệu nhập khẩu.

Bên cạnh đó, lượng nhập khẩu một số chủng loại gỗ tăng so với cùng kỳ năm 2021 như: gỗ hương tăng 3,1%; teak tăng 53,3%; sến tăng 65,1%; cao su tăng 33,4%...

Chủng loại gỗ nguyên liệu nhập khẩu 2 tháng đầu năm 2022

Chủng loại	2 tháng đầu năm 2022			So với cùng kỳ năm 2021 (%)			Tỷ trọng theo lượng (%)	
	Lượng (m ³)	Trị giá (nghìn USD)	Đơn giá (USD/m ³)	Lượng	Trị giá	Đơn giá	2T/2022	2T/2021
Tổng	789.508	297.649	377,0	-32,2	-15,8	24,1	100,0	100,0
Thông	117.871	32.611	276,7	-59,1	-47,6	28,1	14,9	24,8
Lim	98.435	40.025	406,6	57,9	57,1	-0,5	12,5	5,4
Tần bì	52.938	12.001	226,7	-44,6	-46,8	-3,9	6,7	8,2
Dương	48.054	23.098	480,7	-15,2	18,3	39,5	6,1	4,9
Gỗ	34.231	13.769	402,2	-9,5	-9,5	0,0	4,3	3,2
Sồi	33.457	19.782	591,3	-36,5	-23,2	20,8	4,2	4,5
Bạch đàn	24.851	5.716	230,0	-41,6	-41,8	-0,4	3,1	3,7
Hương	24.043	10.884	452,7	3,1	14,2	10,7	3,0	2,0
Teak	11.483	5.409	471,0	53,3	32,0	-13,9	1,5	0,6
Sến	8.617	2.702	313,6	65,1	66,9	1,1	1,1	0,4
Xoan	7.763	2.624	338,0	-4,4	-8,5	-4,3	1,0	0,7
Cao su	6.539	1.976	302,2	33,4	31,9	-1,1	0,8	0,4
Dẻ gai	5.514	2.536	459,9	-51,8	-46,5	11,1	0,7	1,0
Vân sam	5.066	1.732	341,8	-53,0	-35,3	37,8	0,6	0,9
Óc chó	5.056	6.635	1312,3	-25,4	21,7	63,2	0,6	0,6
Cắm xe	4.540	2.700	594,7	-17,4	-2,3	18,3	0,6	0,5
Gụ	4.505	2.499	554,8	69,8	80,8	6,4	0,6	0,2
Linh sam	2.960	1.035	349,6	-39,5	-9,1	50,3	0,4	0,4
Bằng lăng	2.730	801	293,4	-16,5	-7,3	11,0	0,3	0,3
Dổi	2.424	1.104	455,6	397,9	411,2	2,7	0,3	0,0

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

Nhóm gỗ nguyên liệu nhập khẩu 2 tháng đầu năm 2022

Chủng loại	2 tháng đầu năm 2022			So với cùng kỳ năm 2021 (%)		
	Lượng (m ³)	Trị giá (nghìn USD)	Đơn giá (USD/m ³)	Lượng	Trị giá	Đơn giá
Gỗ xẻ	335.477	149.312	445,1	-34,2	-10,8	35,6
Gỗ tròn	263.914	78.487	297,4	-20,4	-8,4	15,1

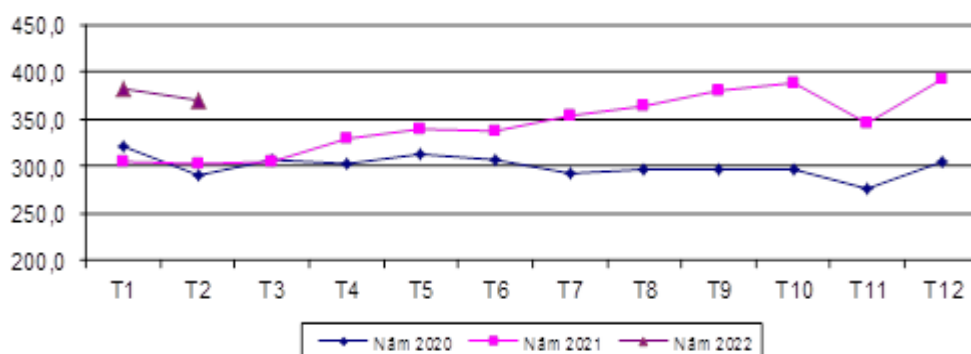
Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

+ Về giá nhập khẩu:

Tháng 2/2022, giá nhập khẩu bình quân các loại gỗ nguyên liệu của Việt Nam đạt 370,3 USD/m³, giảm 3,3% so với tháng 1/2022; tuy nhiên so với tháng 2/2021 tăng 22,0%. Tính chung 2 tháng đầu năm 2022, giá trung bình nhập khẩu gỗ nguyên liệu đạt 377,0 USD/m³, tăng 24,1% so với cùng kỳ năm 2021.

Giá gỗ nguyên liệu nhập khẩu trung bình của Việt Nam năm 2020 - 2022

(ĐVT: USD/tấn)



Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

+ Về thị trường nhập khẩu:

2 tháng đầu năm 2022, lượng nhập khẩu gỗ nguyên liệu từ các thị trường lớn như: Trung Quốc, EU, Thái Lan, Mỹ, Braxin, Chilê, New Zealand... giảm so với cùng kỳ năm 2021. Trong khi đó, lượng nhập khẩu từ một số thị trường tăng như: Camêrun, Lào, Nga, Papua New Guinea, Nigieria... Cụ thể;

Nhập khẩu gỗ nguyên liệu từ thị trường Trung Quốc chiếm 12,6% tổng lượng gỗ nguyên liệu nhập khẩu trong 2 tháng đầu năm 2022, đạt 99,5 nghìn m³, trị giá 51,9 triệu USD, giảm 42,8% về lượng và giảm 18,0% về trị giá so với cùng kỳ năm 2021.

Nhập khẩu mặt hàng này từ thị trường EU giảm 43,0% về lượng và giảm 36,4% về trị giá so với cùng kỳ năm 2021, đạt 97,5 nghìn m³, trị giá 30,2 triệu USD, chiếm 12,4% tổng lượng nhập khẩu.

Nhập khẩu gỗ nguyên liệu từ thị trường Thái Lan giảm 8,8% về lượng và tăng 0,1% về trị giá so với cùng kỳ năm 2021, đạt 90,4 nghìn m³, trị giá 21,3 triệu USD, chiếm 11,4% tổng lượng nhập khẩu.

Ngoài ra, lượng nhập khẩu gỗ nguyên liệu từ một số thị trường khác giảm so với cùng kỳ năm 2021 như: từ Mỹ giảm 44,9%; Braxin giảm 52,4%; Chilê giảm 64,7%; New Zealand giảm 65,1%; Uruguay giảm 40,8%; Cônggô giảm 23,3%...

Trái lại, nhập khẩu từ thị trường Camêrun tăng 62,6% về lượng và tăng 68,1% về trị giá so với cùng kỳ năm 2021, đạt 113,8 nghìn m³, trị giá 46,7 triệu USD, chiếm 14,4% tổng lượng gỗ nguyên liệu nhập khẩu.

Thông tin Thương mại chuyên ngành SẢN PHẨM GỖ VÀ HÀNG THỦ CÔNG MỸ NGHỆ

Bên cạnh đó, nhập khẩu từ thị trường Nga tăng 81,6% về lượng và tăng 160,2% về trị giá so với cùng kỳ năm 2021, đạt 25,5 nghìn m³, trị giá 12,1 triệu USD, chiếm 3,2% tổng lượng gỗ nguyên liệu nhập khẩu. Trong thời gian tới, nhập khẩu gỗ nguyên liệu của Việt Nam từ Nga sẽ gặp khó khăn khi xung đột giữa Nga và Ucraina vẫn chưa được giải quyết, các biện pháp trừng phạt kinh tế của phương Tây và phản ứng từ phía Nga đã tác động đến hoạt động nhập khẩu. Đồng thời, giá xăng dầu tăng cao ảnh hưởng đến cước phí vận chuyển và nhiều hãng tàu đã thông báo từ chối nhận đơn hàng đến và đi từ Nga sẽ làm đứt gãy chuỗi cung ứng. Ngoài ra, việc Nga bị loại ra khỏi hệ thống thanh toán quốc tế SWIFT cũng tác động đến nhập khẩu gỗ nguyên liệu của Việt Nam từ Nga.

Thị trường nhập khẩu gỗ nguyên liệu 2 tháng đầu năm 2022

Thị trường	2 tháng đầu năm 2022			So với cùng kỳ năm 2021 (%)			Tỷ trọng theo lượng (%)	
	Lượng (m ³)	Trị giá (nghìn USD)	Đơn giá (USD/m ³)	Lượng	Trị giá	Đơn giá	2T/2022	2T/2021
Tổng	789.508	297.649	377,0	-32,2	-15,8	24,1	100,0	100,0
Camêrun	113.768	46.657	410,1	62,6	68,1	3,4	14,4	6,0
Trung Quốc	99.491	51.920	521,9	-42,8	-18,0	43,2	12,6	14,9
EU	97.541	30.187	309,5	-43,0	-36,4	11,6	12,4	14,7
<i>Bỉ</i>	24.105	5.926	245,9	-52,4	-51,5	1,8	3,1	4,4
<i>Pháp</i>	15.787	4.358	276,1	-30,5	-37,2	-9,6	2,0	2,0
<i>Đức</i>	14.758	4.120	279,1	-24,8	-33,3	-11,3	1,9	1,7
<i>Látvia</i>	10.892	3.291	302,2	26,7	60,9	26,9	1,4	0,7
<i>Hà Lan</i>	6.604	2.191	331,8	-51,1	-34,0	34,9	0,8	1,2
<i>Slovenia</i>	4.867	1.959	402,6	-35,4	-16,2	29,6	0,6	0,6
<i>Croatia</i>	4.702	2.849	605,9	-12,3	17,6	34,1	0,6	0,5
<i>Phần Lan</i>	3.725	1.338	359,2	-70,0	-56,6	44,6	0,5	1,1
<i>Đan Mạch</i>	1.977	500	252,8	-55,7	-70,5	-33,4	0,3	0,4
<i>Thụy Điển</i>	1.943	574	295,4	-65,1	-55,9	26,3	0,2	0,5
<i>Ba Lan</i>	1.901	563	296,3	-12,0	-4,2	8,9	0,2	0,2
<i>Estonia</i>	1.767	568	321,7	-28,3	-20,1	11,4	0,2	0,2
<i>Rumani</i>	1.150	617	536,5	-58,5	-31,1	65,9	0,1	0,2
<i>Ai Len</i>	1.004	425	423,1	-11,5	11,9	26,5	0,1	0,1
...								
Thái Lan	90.374	21.348	236,2	-8,8	0,1	9,8	11,4	8,5
Mỹ	70.997	32.409	456,5	-44,9	-34,6	18,7	9,0	11,1
Braxin	35.363	12.010	339,6	-52,4	-35,2	36,1	4,5	6,4
Lào	32.957	19.620	595,3	52,8	51,9	-0,6	4,2	1,9
Chilê	27.960	9.666	345,7	-64,7	-50,1	41,4	3,5	6,8
Nga	25.529	12.076	473,0	81,6	160,2	43,3	3,2	1,2
Papua New Guinea	21.047	4.558	216,6	23,0	39,7	13,6	2,7	1,5
New Zealand	18.762	7.341	391,3	-65,1	-52,3	36,8	2,4	4,6
Nigeria	18.276	4.937	270,2	202,1	204,1	0,7	2,3	0,5
Uruguay	17.909	4.837	270,1	-40,8	-24,8	27,1	2,3	2,6
Cônggô	13.902	5.772	415,2	-23,3	-27,7	-5,8	1,8	1,6
Nam Phi	12.606	3.115	247,1	-15,8	-5,5	12,3	1,6	1,3
Cônggô	11.119	4.817	433,2	34,4	11,4	-17,1	1,4	0,7
Achentina	10.655	3.168	297,3	-7,4	17,0	26,4	1,3	1,0
Australia	9.925	1.540	155,2	-72,2	-58,3	50,0	1,3	3,1
Ânggôla	8.670	1.955	225,4	-42,3	-51,4	-15,8	1,1	1,3

Thông tin Thương mại chuyên ngành SẢN PHẨM GỖ VÀ HÀNG THỦ CÔNG MỸ NGHỆ

Thị trường	2 tháng đầu năm 2022			So với cùng kỳ năm 2021 (%)			Tỷ trọng theo lượng (%)	
	Lượng (m ³)	Trị giá (nghìn USD)	Đơn giá (USD/m ³)	Lượng	Trị giá	Đơn giá	2T/2022	2T/2021
Gabông	7.750	2.309	297,9	-18,6	-42,3	-29,1	1,0	0,8
Hồng Kông	6.429	2.327	361,9	63,2	90,3	16,6	0,8	0,3
Malaysia	5.894	2.084	353,5	-71,0	-62,5	29,2	0,7	1,7
Suriname	5.406	1.689	312,5	-76,0	-74,5	6,1	0,7	1,9
Gana	4.196	1.427	340,1	5,6	8,0	2,3	0,5	0,3
Pêru	3.862	1.403	363,3	147,7	112,6	-14,2	0,5	0,1
Canada	3.048	2.144	703,3	-84,0	-64,4	123,3	0,4	1,6
Ucraina	2.985	2.094	701,4	-25,8	2,4	38,0	0,4	0,3
Indonesia	2.824	1.564	553,9	-55,0	-31,4	52,5	0,4	0,5
Campuchia	2.684	583	217,3	-63,6	-68,9	-14,6	0,3	0,6
Nhật Bản	1.540	561	364,4	-66,7	-39,6	81,5	0,2	0,4

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

+ Doanh nghiệp nhập khẩu:

Doanh nghiệp nhập khẩu gỗ nguyên liệu đạt kim ngạch cao 2 tháng đầu năm 2022

Doanh nghiệp	Trị giá (nghìn USD)
CTY TNHH THƯƠNG MẠI ĐẠI LỢI	17.205
CTY TNHH NGÀNH GỖ FU MING VN	15.994
CTY TNHH KỸ NGHỆ GỖ HOA NÉT	14.397
CTY TNHH LONG HƯNG	10.345
CTY TNHH GỖ HÒA THIÊN	6.407
CTY TNHH GLOBAL CASES VN	5.279
CTY TNHH THƯƠNG MẠI TUẤN THÀNH	5.239
CTY TNHH TM TÀI NGUYÊN THIÊN NHIÊN VN	4.740
CTY TNHH MTV GỖ KHANG ĐẠT (VN)	4.596
DOANH NGHIỆP CHẾ XUẤT NITORI VN	4.389
CTY TNHH A & J PRODUCTS	4.123
CTY TNHH TÂN VIỄN	4.026
CTY TNHH EIDAI VN	3.734
CTY TNHH KEESON (BÌNH DƯƠNG)	3.686
CTY TNHH TRÍ THÀNH ĐỨC	3.516
CTY TNHH XNK VÀ THƯƠNG MẠI HOÀNG KIM	3.371
CTY TNHH MÁY MÓC VÀ CÔNG NGHỆ REMACRO (VN)	3.338
CTY TNHH FUSION VINA	3.305
CTY TNHH TIẾN LỢI	3.168
CTY TNHH VẬT LIỆU MỚI NHUẬN PHÁT	2.850
CTY TNHH HAPPY FURNITURE (VN)	2.705
CTY TNHH TIMBER INDUSTRIES	2.686
CTY TNHH GỖ PHƯƠNG ĐÔNG	2.566
CTY TNHH AATT	2.411
CTY TNHH GREENWOOD	2.391
CTY TNHH MỘC NGHỆ THUẬT	2.251
CTY TNHH EAGLE INDUSTRIES	2.250
CTY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ XNK DKT	2.218
CTY TNHH LỤC SÂM	2.170

(Số liệu thống kê sơ bộ, chỉ mang tính tham khảo)

Tình hình nhập khẩu gỗ nguyên liệu trong tuần

(Từ ngày 15/3/2022 đến 22/3/2022)

Trong tuần từ ngày 15/3 đến 22/3/2022, kim ngạch nhập khẩu gỗ nguyên liệu đạt 55,3 triệu USD, tăng 13,8% so với tuần trước đó.

Trong đó, nhập khẩu mặt hàng này từ một số thị trường tăng so với tuần trước như: từ Trung Quốc tăng 28,8%; Hồng Kông tăng 1.085,7%; Mỹ tăng 18,0%; Braxin tăng 109,7%; Nhật Bản tăng 3020%; Phần Lan tăng 95,2%; thị trường Đài Loan tăng 518,2%...

Nhập khẩu gỗ nguyên liệu từ một số thị trường giảm so với tuần trước như: từ Lào giảm 18,5%; Thái Lan giảm 39,0%; Malaysia giảm 6,6%; Nigeria giảm 52,4%; Bỉ giảm 55,6%; Nga giảm 49,2%; Ukraina giảm 72,6%...

Một số thị trường đứng đầu về cung cấp gỗ nguyên liệu cho Việt Nam trong tuần từ ngày 15/3/2022 đến 22/3/2022 (ĐVT; nghìn USD)

Thị trường	Tuần từ ngày 15/3 đến 22/3/2022	So với tuần trước (%)
Tổng	55.263	13,8
Trung Quốc	13.806	28,8
Hồng Kông	8.656	1.085,7
Mỹ	5.234	18,0
Braxin	2.499	109,7
Singapore	2.270	355,8
Lào	2.093	-18,5
Thái Lan	1.628	-39,0
Nhật Bản	1.611	3.020,0
Malaysia	1.586	-6,6

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

Một số lô hàng gỗ nguyên liệu nhập khẩu tuần từ ngày 15/3/2022 đến 22/3/2022

Chủng loại	Lượng (m ³)	Đơn giá (USD/m ³)	Thị trường	Cửa khẩu	Mã GH
Gỗ óc chó 2.4 -6m, đk 22 -45 cm	16	380,1	Mỹ	Cát Lái	CIF
Gỗ anh đào tròn dài 3m, đk 30cm	26	154,0	Bỉ	Nam Hải	CFR
Gỗ bạch đàn đk 40cm	230	205,0	Nam Phi	Cát Lái	CIF
Gỗ bạch đàn đk trung bình từ 25.25cm, dài từ 2.2-5.8m	109	208,0	Hồng Kông	Quy Nhơn	CIF
Gỗ bạch dương xẻ (dày 25-50* rộng 80-200* dài 2000mm)	82	180,0	Nga	Cát Lái	CIF
Gỗ bạch dương xẻ, dày 22mm, dài 2000-3000mm, rộng 90-300mm	37	200,0	Nga	Hải Phòng	CIF
Gỗ cao su 24mm (24*105*1300)mm	20	355,9	Thái Lan	Cát Lái	C&F
Gỗ cao su xẻ - 66 x 66 x 430 mm	25	538,3	Indonesia	Cát Lái	FOB
Gỗ cao su xẻ sấy (KT: 28 x 79 x 1100)mm	129	218,9	Malaysia	Cát Lái	C&F
Gỗ cẩm dày 39cm, rộng 43cm, dài 220cm	21	383,1	Trung Quốc	Cảng Xanh	FOB
Gỗ dương tròn (đk phi 305-762; dài: 2438.4-5487)mm	52	285,8	Ai Len	Vũng Tàu	CIF
Gỗ dương xẻ, sấy, dày 5/4' (32mm), rộng 7.5-38cm, dài 1.85-4.85m	122	390,2	Mỹ	Cát Lái	CIF
Gỗ dẻ Gai dày 40-45mm; rộng 12-50cm; dài 1.8-4m	11	374,1	Hà Lan	Cát Lái	CIF
Gỗ dẻ gai xẻ sấy dày: 26mm, dài 2.50 m - 4,60 m	48	389,6	Slovenia	Cát Lái	CIF
Gỗ gỗ dài 2.2m, rộng 30cm, dày 25cm	24	250,0	Trung Quốc	Cát Lái	FOB
Gỗ gỗ rộng từ 30-65 cm, dày 16-52 cm, dài 250-273 cm	20	250,0	Hồng Kông	Nam Hải	FOB
Gỗ gỗ rộng từ 5 - 150cm, dày từ 5-150cm, dài từ 100-300cm	40	270,0	Kenya	Cát Lái	CIF
Gỗ gỗ rộng từ 5 - 150cm, dày từ 5-150cm, dài từ 100-300cm	20	284,5	Nigeria	Cát Lái	FOB
Gỗ gỗ rộng từ 50-72cm, dày 36-58cm, dài 260-279 cm	20	250,0	Trung Quốc	Nam Hải	FOB
Gỗ gỗ xẻ, dày từ 32 - 50 cm, rộng từ 36 - 62 cm, dài 260 cm	44	270,0	Ángôla	Nam Hải	C&F

Thông tin Thương mại chuyên ngành SẢN PHẨM GỖ VÀ HÀNG THỦ CÔNG MỸ NGHỆ

Chủng loại	Lượng (m ³)	Đơn giá (USD/m ³)	Thị trường	Cửa khẩu	Mã GH
Gỗ hương đá dày (11 - 22) cm, rộng (40 - 56) cm, dài 200 cm	20	250,0	Hồng Kông	Cảng Xanh	C&F
Gỗ hương đá xẻ dài từ 2.50m - 2.70m, rộng từ 0.20m - 0.53m, dày từ 0.12m - 0.16m	20	244,9	Nam Phi	Hải Phòng	C&F
Gỗ hương đk từ 54-99 cm, dài từ 4.7 - 11.8m	117	557,2	Cônggô	Hải Phòng	CFR
Gỗ hương xẻ dày 4cm rộng 14cm dài 220cm	102	262,7	Gabông	Cảng Xanh	CFR
Gỗ hương xẻ, dài 2.1-5.8M, rộng 27-68cm, dày 30-74cm	91	462,2	Ăngôla	Hải Phòng	FOB
Gỗ hương xẻ, dài: 110cm, rộng 27cm, dày: 5cm	48	500,0	Thái Lan	Hải Phòng	C&F
Gỗ lim dài: 7.7-11.8M, đk: 73-118cm	179	470,7	Italia	Nam Hải	FOB
Gỗ lim dài: 5.4-11.6M , đk: 74-95cm	33	469,0	Cônggô	Hải Phòng	CFR
Gỗ lim dày trên 25 cm, rộng trên 25 cm, dài trên 2.0 m	48	167,0	Nigiêria	Nam Hải	FOB
Gỗ lim xanh xẻ, dày 18-62cm, rộng: 25-60cm, dài: 310cm	36	250,0	Campuchia	Hải Phòng	C&F
Gỗ lim xẻ dày 10cm rộng 11cm dài 220cm	92	328,4	Gabông	Cảng Xanh	CFR
Gỗ lim xẻ dày từ 14 - 29 cm, dài từ 3.2 - 5.8 m, rộng 20 - 60 cm	18	777,1	Cônggô	Cảng Xanh	CIF
Gỗ lim xẻ, dài: 1-3M, rộng: 17-29cm, dày: 4-6cm	41	503,5	Li Băng	Cảng Xanh	FOB
Gỗ lim xẻ, dài: 2.2-3.5M, rộng: 22-49cm, dày: 14-25cm	185	519,9	Hồng Kông	Nam Hải	FOB
Gỗ lim xẻ, dày 10cm rộng 21cm dài 150cm	61	383,1	Trung Quốc	Cảng Xanh	FOB
Gỗ lim xẻ, dày 9cm rộng 27cm dài 140cm	64	366,0	Pêru	Cảng Xanh	FOB
Gỗ lim xẻ, dày 9cm, rộng 21cm, dài 120cm	403	383,1	Camêrun	Nam Hải	FOB
Gỗ linh sam xẻ (38mm*100mm*3-4,8m)	138	330,0	Thụy Điển	Cát Lái	CIF
Gỗ muồng dài: 2.7-7.6M, đk: 60-82cm	20	489,7	Cônggô	Hải Phòng	CIF
Gỗ sồi đỏ đk: 40cm, dài:3m	28	257,2	Pháp	Nam Hải	CIF
Gỗ sồi đỏ, dày 38mm, rộng từ (15-140.)cm, dài từ (2-5)cm	14	495,0	Đức	Nam Hải	CIF
Gỗ Sồi trắng xẻ 20-52mm x 120-400mm x 1500-5000mm	26	566,6	Croatia	Cont Spite	CIF
Gỗ Sồi xẻ sậy 27 mm x 150mm & x 2 m &	56	550,0	Bỉ	Cont Spite	CIF
Gỗ sồi xẻ sậy dày 45mm x10-37cm x 2-3.2m	27	564,9	Ukraina	Cát Lái	CIF
Gỗ sến tròn đk 80cm, dài 5m	54	346,6	Cônggô	Hải Phòng	FOB
Gỗ tần bì đk: từ 30-39cm, dài 3-11.5m	126	208,0	Đan Mạch	Hải Phòng	CIF
Gỗ Tần bì dài: 3.0M, đk: 30cm	255	254,2	Đức	Cảng Xanh	CIF
Gỗ tần bì tròn, đk (30.00-39.00) cm, dài:(3.0-11.5)m	43	198,1	Bỉ	Cát Lái	C&F
Gỗ tần bì xẻ - 20mm x100mm x 1000-3000mm(dài 1000-3000 mm, rộng 100mm up ,dày 20mm)	25	339,9	Ukraina	Cát Lái	CIF
Gỗ tần bì xẻ 26mm x 100mm x x 2m	64	495,2	Croatia	Cát Lái	CIF
Gỗ tần bì xẻ sậy dày: 50mm. dài: (2,2-3,0)m	133	522,7	Pháp	Cát Lái	CIF
Gỗ tần bì xẻ sậy, dày:26mm, dài:(1.7-4.0)m, rộng 10cm-53cm	4	546,9	Croatia	Cát Lái	CIF
Gỗ tần bì xẻ thô, sậy. dày 8/4' (51mm), rộng 7.5-38cm, dài 1.85m-4.85m	34	741,6	Mỹ	Cát Lái	CIF
Gỗ teak chu vi từ 50-59cm, (đk 15.92cm- 18.79cm) dài 225cm,270cm, 400cm	42	251,0	Côxta Rica	Quy Nhơn	CIF
Gỗ thông dày 22 mm, (75-200 x 2440~3660)mm	176	305,0	Achentina	Cát Lái	CIF
Gỗ thông tròn Đk: 30-60cm, dài 3.6-3.8m	133	143,0	Australia	Cát Lái	CFR
Gỗ thông xẻ (22 X 125 X 2700-5400)mm	471	350,0	Phần Lan	Cát Lái	CIF
Gỗ thông xẻ- 105mm x 105mm x 3000mm	79	330,0	Nhật Bản	Cát Lái	CIF
Gỗ thông xẻ 22 x (100 - 200) x 4000 mm	100	355,0	New Zealand	Cát Lái	C&F
Gỗ thông xẻ 22mm x 75mm+ x 1.8m	223	350,0	Chilê	Cát Lái	CIF
Gỗ thông xẻ 25mm x 75mm x 1800-6000mm	124	360,0	Belize	Cát Lái	CIF
Gỗ thông xẻ 32mm x (75 - 160)mm x (2000 - 3960)mm	20	305,0	Braxin	Cát Lái	CIF
Gỗ thông xẻ sậy (22mm X 150/200mm X 2000mm)	457	295,0	Uruguay	Cát Lái	CIF
Gỗ thông xẻ sậy 19mm x 100-190mm x dài 2.0-2.54m	88	330,0	Hà Lan	Cát Lái	CIF
Gỗ tròn bạch đàn đk 29cm, dài 5,6m	278	180,0	Braxin	Quy Nhơn	CIF
Gỗ ván bóc (0.3 x 1300 x 2500)mm	18	50,0	Lào	Quảng Trị	DAF

Thông tin Thương mại chuyên ngành SẢN PHẨM GỖ VÀ HÀNG THỦ CÔNG MỸ NGHỆ

Chủng loại	Lượng (m ³)	Đơn giá (USD/m ³)	Thị trường	Cửa khẩu	Mã GH
Gỗ vân sam đã xẻ, sậy(125x22-75x3000-6000)mm	321	500,0	Phần Lan	Cát Lái	C&F
Gỗ vân sam dày 22 mm, rộng 150 mm, dài từ 2400-5100 mm	44	310,0	Hà Lan	Cảng Xanh	CIF
Gỗ xà cừ xẻ, dài: 2.4-4.5M, rộng: 40-83cm, dày: 50-100cm	42	316,3	Ângôla	Hải Phòng	FOB
Gỗ xẻ bạch đàn dày từ 24mm-52mm, rộng từ 75mm, dài 1.8m	340	315,0	Achentina	Quy Nhơn	CIF
Gỗ xoan đào đk từ 68-124 cm. dài từ 4.9 - 11.7m	409	395,9	Cônggô	Hải Phòng	CFR
Gỗ xoan đào xẻ, dày từ 35 - 82 cm, rộng từ 39 - 103 cm, dài từ 220 - 580cm	88	220,0	Ângôla	Nam Hải	C&F
Ván ép (11 x 1220 x 2440) mm	36	430,0	Trung Quốc	Cát Lái	C&F
Ván ép (Plywood) (2440*1220*3) mm	55	590,0	Trung Quốc	Cát Lái	CIF
Ván ép MDF dày 15 mm (15x1220x2440 mm)	113	405,0	New Zealand	Cảng Xanh	CIF
Ván MDF (18 x 1220 x 2440)mm	34	295,0	Thái Lan	Cát Lái	CFR

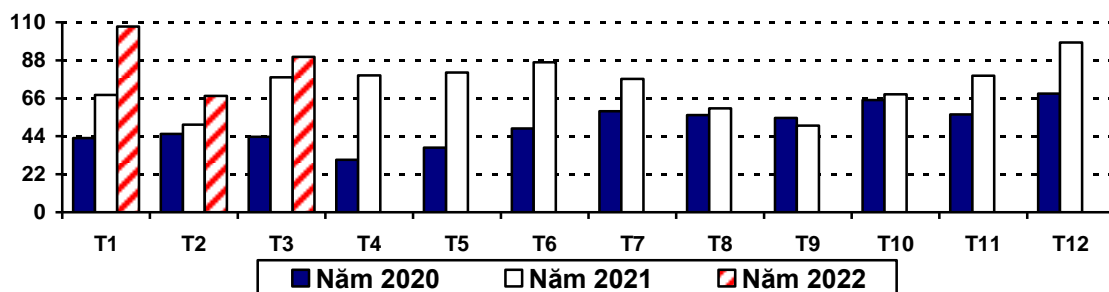
(Số liệu thống kê sơ bộ, chỉ dùng để tham khảo)

Quý I/2022, xuất khẩu mây, tre, cói, thảm tăng mạnh

Theo số liệu thống kê của Tổng cục Hải quan, do có số ngày nghỉ Tết Nguyên đán dài nên xuất khẩu mây, tre, cói, thảm trong tháng 02/2022 giảm mạnh, đạt 67,44 triệu USD, giảm 37,5% so với tháng 01/2022; nhưng vẫn tăng 32,8% so với tháng 02/2021. Tính chung 2 tháng đầu năm 2022, xuất khẩu mây, tre, cói, thảm đạt 175,08 triệu USD, tăng 47,1% so với cùng kỳ năm 2021.

Ước tính, xuất khẩu sản phẩm mây, tre, cói, thảm của Việt Nam trong tháng 3/2022 đạt 90 triệu USD, tăng 33,5% so với tháng 02/2022; tăng 15,1% so với tháng 3/2021. Tính chung trong quý I/2022, kim ngạch xuất khẩu mây, tre, cói, thảm ước tính đạt 265,08 triệu USD, tăng 34,4% so với cùng kỳ năm 2021.

Kim ngạch xuất khẩu mây, tre, cói và thảm qua các tháng (triệu USD)



Nguồn: Tổng cục Hải quan và số liệu ước tính tháng 3/2022

Mặt hàng xuất khẩu chính

Tháng 02/2022, xuất khẩu các chủng loại mây, tre, cói, thảm đều giảm so với tháng 01/2022, nhưng vẫn tăng so với tháng 02/2021. Tính chung trong 2 tháng đầu năm 2022, xuất khẩu các chủng loại mây, tre, cói, thảm đều tăng so với cùng kỳ năm 2021. Cụ thể:

- Xuất khẩu thảm trong tháng 02/2022 đạt 37,71 triệu USD, giảm 28,1% so với tháng 01/2022; tăng 50,0% so với tháng 02/2021. Tính chung trong 2 tháng đầu năm 2022, xuất khẩu thảm đạt 90,18 triệu USD, tăng 60,0% so với cùng kỳ năm 2021.

2 tháng đầu năm 2022, xuất khẩu thảm sang hầu hết các thị trường đều tăng so với cùng kỳ năm 2021. Mỹ, EU, Ấn Độ, Nhật Bản và Anh vẫn là những thị trường nhập khẩu nhiều nhất mặt hàng thảm của Việt Nam; trong đó EU là thị trường tăng trưởng mạnh nhất, khi tăng 106,1% so với cùng kỳ năm 2021, tiếp đến là Mỹ tăng 61,1%, Anh tăng 60,3%, Ấn Độ tăng 47,9%, Nhật Bản tăng 13,7%.

Thông tin Thương mại chuyên ngành SẢN PHẨM GỖ VÀ HÀNG THỦ CÔNG MỸ NGHỆ

- Tháng 02/2022, xuất khẩu lục bình đan đạt 6,49 triệu USD, giảm 53,3% so với tháng 01/2022; tăng 11,7% so với tháng 02/2021. Tính chung 2 tháng đầu năm 2022, xuất khẩu lục bình đan đạt 20,42 triệu USD, tăng 46,9% so với cùng kỳ năm 2021.

2 tháng đầu năm 2022, xuất khẩu lục bình đan sang thị trường chủ chốt là Mỹ và EU đều tăng mạnh so với cùng kỳ năm 2021: xuất khẩu sang thị trường Mỹ đạt 11,93 triệu USD, tăng 66,6%; EU đạt 4,4 triệu USD, tăng 51,6%.

- Xuất khẩu cói đan trong tháng 02/2022 đạt 6,03 triệu USD, giảm 43,6% so với tháng 01/2022; tăng 38,1% so với tháng 02/2021. Tính chung trong 2 tháng đầu năm 2022, xuất khẩu cói đan đạt 16,73 triệu USD, tăng 63,2% so với cùng kỳ năm 2021.

Xuất khẩu cói đan sang 2 thị trường EU và Mỹ chiếm tới 73% tổng kim ngạch xuất khẩu mặt hàng này của cả nước trong 2 tháng đầu năm 2022: xuất khẩu sang EU đạt 7,1 triệu USD, tăng 55,2% so với cùng kỳ năm 2021; Mỹ đạt 5,18 triệu USD, tăng 77,3%.

- Tháng 02/2022, xuất khẩu tre đan đạt 5,63 triệu USD, giảm 47,9% so với tháng 01/2022; tăng 13,3% so với tháng 02/2021. Tính chung trong 2 tháng đầu năm 2022, xuất khẩu tre đan đạt 16,45 triệu USD, tăng 45,1% so với cùng kỳ năm 2021.

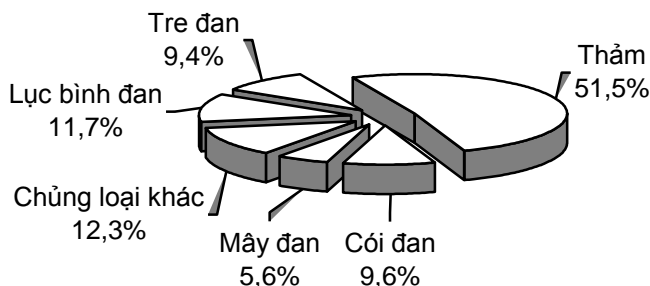
Xuất khẩu tre đan sang thị trường Mỹ trong 2 tháng đầu năm 2022 đạt 6,72 triệu USD, tăng 62,3% so với cùng kỳ năm 2021; sang EU đạt 6,12 triệu USD, tăng 40,4%.

- Xuất khẩu mây đan trong tháng 02/2022 đạt 3,35 triệu USD, giảm 48,0% so với tháng 01/2022; tăng 16,7% so với tháng 02/2021. Tính chung trong 2 tháng đầu năm 2022, xuất khẩu mây đan đạt 9,79 triệu USD, tăng 31,0% so với cùng kỳ năm 2021.

2 tháng đầu năm 2022, xuất khẩu mây đan sang thị trường Mỹ tăng mạnh, đạt 3,31 triệu USD, tăng 61,7% so với cùng kỳ năm 2021; xuất khẩu sang EU đạt 2,63 triệu USD, tăng 1,5%.

Cơ cấu mặt hàng mây, tre, cói và thảm xuất khẩu 2 tháng đầu năm 2022

(% tính theo kim ngạch)



Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

Thị trường xuất khẩu

- *Thị trường EU:* Theo thống kê, xuất khẩu sản phẩm mây, tre, cói, thảm của Việt Nam sang thị trường EU trong tháng 02/2022 đạt 16,25 triệu USD, giảm 40,1% so với tháng 01/2022; tăng 37,0% so với tháng 02/2021. Tính chung trong 2 tháng đầu năm 2022, xuất khẩu mây, tre, cói, thảm sang EU đạt 43,38 triệu USD, tăng 50,1% so với cùng kỳ năm 2021.

2 tháng đầu năm 2022, xuất khẩu mây, tre, cói, thảm sang thị trường Tây Ban Nha tăng mạnh, vượt qua các thị trường Đức, Pháp, Hà Lan, trở thành thị trường thuộc EU nhập khẩu nhiều nhất mây, tre, cói, thảm của Việt Nam, đạt 9,48 triệu USD, tăng 175,2% so với cùng kỳ năm 2021.

Xuất khẩu mây, tre, cói, thảm sang các thị trường khác như Đức, Pháp, Italia, Bỉ trong 2 tháng đầu năm 2022 cũng tăng mạnh so với cùng kỳ năm 2021. Ngược lại, xuất khẩu

Thông tin Thương mại chuyên ngành SẢN PHẨM GỖ VÀ HÀNG THỦ CÔNG MỸ NGHỆ

mây, tre, cói, thảm sang thị trường Hà Lan giảm 14,8% so với cùng kỳ năm 2021.

2 tháng đầu năm 2022, xuất khẩu các chủng loại mây, tre, cói, thảm sang thị trường EU đều tăng so với cùng kỳ năm 2021; trong đó, tăng mạnh nhất là mặt hàng thảm, khi tăng 106,1% so với cùng kỳ năm 2021.

- *Thị trường Mỹ*: Xuất khẩu sản phẩm mây, tre, cói, thảm sang thị trường Mỹ trong tháng 02/2022 đạt 30,59 triệu USD, giảm 34,3% so với tháng 01/2022; tăng 37,3% so với tháng 02/2021. Tính chung trong 2 tháng đầu năm 2022, xuất khẩu mây, tre, cói, thảm sang Mỹ đạt 77,19 triệu USD, tăng 54,0% so với cùng kỳ năm 2021.

2 tháng đầu năm 2022, xuất khẩu các chủng loại mây, tre, cói, thảm sang thị trường Mỹ đều tăng trên mạnh so với cùng kỳ năm 2021: thảm tăng 61,1%, lục bình đan tăng 66,6%, tre đan tăng 62,3%; cói đan tăng 77,3%; mây đan tăng 61,7%.

Thị trường xuất khẩu sản phẩm mây, tre, cói, thảm của Việt Nam trong tháng 02/2022 và 2 tháng đầu năm 2022

Thị trường	Tháng 02/2022 (nghìn USD)	So với tháng 01/2022 (%)	So với tháng 02/2021 (%)	2 tháng đầu năm 2022 (nghìn USD)	So với 2 tháng năm 2021 (%)	Tỷ trọng 2 tháng đầu năm (%)	
						Năm 2022	Năm 2021
Tổng	67.438	-37,4	32,8	175.081	47,1	100,0	100,0
EU	16.248	-40,1	37,0	43.379	50,1	24,8	24,3
<i>Tây Ban Nha</i>	4.194	-20,6	200,7	9.478	175,2	5,4	2,9
<i>Pháp</i>	2.646	-51,6	21,2	8.117	60,3	4,6	4,3
<i>Đức</i>	2.643	-37,0	24,4	6.835	34,6	3,9	4,3
<i>Hà Lan</i>	1.319	-54,2	-34,8	4.196	-14,8	2,4	4,1
<i>Italia</i>	1.719	-20,2	167,5	3.873	155,7	2,2	1,3
<i>Bỉ</i>	1.066	-35,5	36,1	2.715	72,5	1,6	1,3
<i>Thụy Điển</i>	533	-62,6	-22,6	1.958	6,0	1,1	1,6
<i>Đan Mạch</i>	410	-68,9	-18,8	1.726	-5,5	1,0	1,5
<i>Ba Lan</i>	707	-7,2	-15,9	1.468	-3,4	0,8	1,3
Mỹ	30.594	-34,3	37,3	77.188	54,0	44,1	42,1
Nhật Bản	4.145	-34,0	29,2	10.398	15,2	5,9	7,6
Anh	4.411	-0,9	41,3	8.865	59,4	5,1	4,7
Ấn Độ	3.328	-36,5	46,5	8.572	48,0	4,9	4,9
Canada	1.921	-49,1	49,0	5.698	108,5	3,3	2,3
Australia	1.195	-63,8	-27,1	4.340	6,6	2,5	3,4
Hàn Quốc	1.052	-32,6	-7,3	2.612	15,5	1,5	1,9
Mêhicô	449	-58,4	269,0	1.527	378,3	0,9	0,3
Trung Quốc	514	-41,3	152,6	1.390	62,8	0,8	0,7
Chilê	344	-64,4	50,4	1.309	181,9	0,7	0,4
Thái Lan	440	-9,7	106,2	928	70,5	0,5	0,5
Nga	246	-63,2	-33,5	915	58,7	0,5	0,5
UAE	392	18,1	18,0	724	-15,1	0,4	0,7
Ả Rập Xê út	192	-60,0	-6,2	672	-38,3	0,4	0,9
Angiêri	55	-88,6	-83,4	539	61,7	0,3	0,3
Braxin	167	-52,7	-2,7	519	106,2	0,3	0,2
New Zealand	101	-74,6	-25,6	498	37,1	0,3	0,3
Kô-eot	68	-82,5	-17,6	455	65,3	0,3	0,2
Đài Loan	123	-64,9	-15,2	473	6,6	0,3	0,4

Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

Xuất khẩu mặt hàng mây, tre, cói, thảm trong kỳ

(Từ 08/3/2022 đến 22/3/2022)

Theo số liệu thống kê sơ bộ, kim ngạch xuất khẩu mây, tre, cói, thảm trong kỳ từ 08/3/2022 đến 22/3/2022 đạt 44,16 triệu USD, giảm 4,0% so với kỳ trước (từ 22/02/2022 đến 08/3/2022). Trong đó, kim ngạch xuất khẩu thảm đạt 23,69 triệu USD, giảm 2,4%; lục bình đan đạt 4,65 triệu USD, giảm 10,8%; cói đan đạt 4,59 triệu USD, tăng 1,2%; tre đan đạt 4,09 triệu USD, tăng 2,5%; mây đan đạt 2,19 triệu USD, giảm 7,2%.

Trong kỳ vừa qua, sản phẩm mây, tre, cói, thảm của Việt Nam được xuất khẩu sang 48 thị trường. Trong đó có 10 thị trường đạt kim ngạch trên 1 triệu USD. Mỹ là thị trường xuất khẩu lớn nhất trong kỳ, đạt 14,25 triệu USD, giảm 19,1% so với kỳ trước. Tiếp đến là: Nhật Bản đạt 2,80 triệu USD, tăng 7,8%; Đức đạt 2,68 triệu USD, tăng 30,3%; Tây Ban Nha đạt 2,24 triệu USD, giảm 3,4%; Anh đạt 2,14 triệu USD, giảm 6,6%...

Một số lô hàng xuất khẩu đạt giá cao trong kỳ vừa qua như: Chậu tre tráng xi măng hình tròn Bộ 3 - KT 90.0x90.0x90.0H/75.0x75.0x80.0H/55.0x55.0x60.0H(cm) xuất khẩu sang Kô-eot có giá 237,5 USD/bộ (FOB cảng Transimex); Bàn và đôn sơn mài cốt tre (bộ 4), kích cỡ 116x30xH76cm x2; D33xH48cm x 2, xuất khẩu sang Mỹ có giá 140,0 USD/bộ (FOB cảng Lạch Huyện); Kệ mây MSKEJ-0030-01, kích thước 42 x 42 x 112 (cm), xuất khẩu sang Australia có giá 131,1 USD/cái (FOB cảng Tân Vũ); Đôn cốt tre, khảm trai, (D91.5xH40.5cm), xuất khẩu sang Australia có giá 129,1 USD/cái (FOB cảng Đình Vũ Nam Hải); Thùng mây tròn bộ 3 chiếc: D45xH58cm, D38xH51cm, D30xH46cm, xuất khẩu sang Pháp có giá 95,1 USD/bộ (FOB cảng Tân Vũ)...

Một số lô hàng mây, tre, cói thảm xuất khẩu trong kỳ (Giá: FOB)

Thị trường	Tên hàng	ĐVT	Lượng	Giá (USD)	Cảng, cửa khẩu
Đài Loan	Rèm cửa bằng tre kích thước 96" x 72"	Cái	48	33,8	Tân Vũ
	Giỏ bèo tây, kích cỡ D40.6x30xH20cm	Cái	2.100	5,3	Lạch Huyện
Đan Mạch	Ghế tre. KT: 180X70X35/80 cmH	Cái	756	44,6	Cát Lái
	Khay sơn mài kích thước 50x25cm	Cái	100	5,0	Lạch Huyện
	Khung gương bằng mây, kích thước D40/25cm	Cái	7.155	4,5	Lạch Huyện
Đức	Ghế tre. KT: 70x70x35/80cmH	Cái	230	45,7	Cát Lái
	Khay sơn mài, cốt tre, nhiều màu, kích thước 45X45X5.5 cm	Cái	48	14,9	Hải Phòng
	Giỏ đay DB218101-J ; KT: 30cm x 70cm	Cái	786	10,2	Cái Mép
	Hộp cói tròn cao cỡ lớn D29 H33cm	Cái	150	9,6	Cát Lái
	Túi bèo tây, kích cỡ 35x10xH25/38cm	Cái	644	7,6	Hải Phòng
	Thang tre. KT: 50x190cmH	Cái	200	6,3	Cát Lái
Ả Rập Xê út	Bàn tre tự nhiên, nhiều màu (Kích thước: Dia 90 x H45 cm)	Cái	73	47,3	Cảng Xanh
	Khay tre tự nhiên, nhiều màu (Kích thước: 60 x 40 x H5 cm)	Cái	100	25,7	Cảng Xanh
	Hộp tre tự nhiên, nhiều màu (Kích thước: Dia 30 x H26.5 cm)	Cái	70	21,1	Cảng Xanh
Achentina	Bộ 3 sọt mã RB05 bằng mây hình tròn, kích thước 28*11, 32*14, 37*15 cm	Bộ	80	31,0	Đình Vũ Nam Hải
	Chao đèn mã LSB002 bằng tre hình tròn, kích thước 40*53 cm	Cái	50	13,8	Đình Vũ Nam Hải
Anh	Giỏ chữ nhật đan bằng mây (38x55x68 cm)	Cái	95	58,6	Cát Lái
	Thùng vuông đan bằng mây (40x40x68 cm)	Cái	195	38,9	Cát Lái
	Khung đèn tre, kích cỡ D50xH40cm	Cái	240	25,8	Lạch Huyện
	Chao đèn tre, kích cỡ D50xH40cm	Cái	230	19,1	Cái Mép
	Hộp mây, KT: 40 x 30 x 20 cm	Cái	102	18,6	Cát Lái
	Sọt cói màu tự nhiên KF22-IP-S04, D450 x H400 mm	Cái	66	14,5	Lạch Huyện
	Chao đèn tre, kích cỡ D35xH15cm	Cái	500	11,8	Cái Mép

Thông tin Thương mại chuyên ngành SẢN PHẨM GỖ VÀ HÀNG THỦ CÔNG MỸ NGHỆ

Thị trường	Tên hàng	ĐVT	Lượng	Giá (USD)	Cảng, cửa khẩu
	Rổ cói, KT: 28 x 25 x 29 cm	Cái	350	11,7	Cát Lái
Australia	Kệ mây MSKEJ-0030-01, kích thước 42 x 42 x 112 (cm)	Cái	25	131,1	Tân Vũ
	Đôn cốt tre, khảm trai, (D91.5xH40.5cm)	Cái	60	129,1	Đình Vũ Nam Hải
	Bàn mây MSBAN-0014-01, kích thước 84 x 41 (cm)	Cái	25	74,4	Tân Vũ
	Giá treo quần áo bằng mây MSKEJ-0032-01, kích thước 80 x 61 x 160 (cm)	Cái	25	70,9	Tân Vũ
	Thùng mây tròn D43, H61cm	Cái	23	35,6	Đình Vũ Nam Hải
Ba Lan	Sọt cói màu tự nhiên KF22-IP-S02, D390 x H340 mm	Cái	480	12,2	Lạch Huyện
	Thảm tre CALENDON màu tự nhiên, kích thước 70x50x1 cm	Cái	804	11,7	Lạch Huyện
Bỉ	Bộ đan bằng lục bình bộ 2, Size: Dia43 H58 ; Dia47 H63cm	Bộ	420	30,2	Phước Long
	Sọt cói bộ 5 cái. Kích thước: 70x40x23cm, 2x(32x32x15cm), 2x(27x27x13cm)	Bộ	1.820	21,5	Đình Vũ Nam Hải
	Bình đan bằng lục bình, Size: Dia31 H66.5 cm	Cái	926	9,0	Phước Long
	Giỏ bèo tây, kích cỡ D34xH37cm	Cái	1.464	4,4	Cảng Xanh
Canada	Giỏ đan lục bình, 49X49X45/ 40X40X39/ 33X33X32/ 30X20X10cm (1 bộ =4 cái)	Bộ	50	47,5	Phước Long
	Khay sơn mài cốt mây, kích thước (48x48x12)cm	Cái	120	12,5	Lạch Huyện
Hà Lan	Ghế đôi bằng tre, kích thước 1150x650x720 mm	Cái	88	31,6	Cát Lái
	Chậu cói trắng xi măng hình tròn - KT 42.0x42.0x52.0H(cm)	Cái	88	26,2	Cát Lái
	Chao đèn tre sản xuất từ tre đan. Bamboo lampshade. Dia 87 x H 20 cm	Cái	80	15,0	Cảng Xanh
Hàn Quốc	Giỏ lục bình bộ 5 mã BM-005W (61 x 61 x 39 cm)	Bộ	60	18,9	Cát Lái
	Ghế đầu bằng mây, kích thước 33 x 33 x 27 (cm)	Cái	130	15,8	Đình Vũ
	Chiếu cói/Sedge mats (140 x 190cm)	Cái	180	12,0	Đình Vũ
	Sọt lục bình, Size D58 x 19h, D53 x 17h, D48 x 15h, D43 x 13h, D38 x 11h cm	Bộ	51	11,8	Cát Lái
	Thảm lục bình (151 x 151 x 10 cm)	Cái	120	11,1	Cát Lái
Hong Kong	Thùng chữ nhật làm bằng mây (quy cách 40x30x65cm)	Cái	40	41,6	Cát Lái
	Ghế nằm tắm nắng 3313022 bằng tre 2000x650x300mm	Cái	417	24,3	Cát Lái
	Giỏ bèo GKJ134 ; KT: 40 cm x 40cm x 50cm	Cái	160	17,3	Tân Vũ
	Rổ chữ nhật làm bằng mây (quy cách 62x47x20cm)	Cái	40	14,0	Cát Lái
	Lọ tre kích thước 27X27XH73 cm	Cái	496	8,5	Cái Mép
	Tấm lót cói BN881901 ; KT: 49 cm x 35cm	Cái	300	8,3	Tân Vũ
Malaysia	Khay tre mã VP230, kích thước 22.4X22.4X5(H)cm	Cái	50	11,2	Hải Phòng
	Giỏ tre mã VP231, kích thước 35(D)x5(H)cm	Cái	50	10,9	Hải Phòng
Mỹ	Bàn và đôn sơn mài cốt tre (bộ 4), kích cỡ 116x30xH76cm x2; D33xH48cm x2	Bộ	161	140,0	Lạch Huyện
	Tủ sơn mài cốt tre, kích cỡ 71x30xH76cm	Cái	14	78,8	Lạch Huyện
	Bộ 11 sản phẩm lục bình gồm 2 bộ 4 rổ hình chữ nhật (50.5 x 41 x 35/42)cm, bộ 2 rổ chữ nhật (40.5 x 30.5 x 15)cm và 1 rổ hình chữ nhật (30.5 x 23 x 15)cm	Bộ	382	63,0	Cát Lái
	Thùng mây chữ nhật 67x40.5xH36cm	Cái	195	42,6	Tân Vũ
	Giỏ đan lục bình bộ 7 mã B21117 (47 x 47 x 45 cm)	Bộ	150	39,0	Transimex
	Bộ 4 sọt mây , KT:56x46x89(cm)	Bộ	172	37,7	Cát Lái
	Đôn sơn mài cốt tre, kích cỡ D45x45xH48cm	Cái	780	31,3	Tân Vũ
New Zealand	Thùng giặt có nắp làm từ sợi lục bình đan, quy cách (45x45x76cm)	Cái	279	11,5	Cát Lái
	Khung gương treo tường (lục bình) (44x6x55.5cm)	Cái	144	5,7	Cát Lái
Nhật Bản	Bộ giỏ cói, 1 bộ 3 chiếc, phi 38 x 20/33, phi 33 x 18/31, phi 26 x 16/9 (cm)	Bộ	50	12,3	Hải Phòng
	Giỏ mây hình chữ nhật: mã: S16: Kích Thước: (36x26xH31) cm	Cái	240	11,5	Đình Vũ Nam Hải
	Đệm bèo tự nhiên, kích thước phi 38 H40 cm	Cái	234	8,6	Hải Phòng
	Sàng tre V263, Fi 60xH5/35 cm. Fi 55xH4/35 cm cm	Bộ	150	7,7	Tân Vũ
Pháp	Thùng mây tròn bộ 3 chiếc: D45xH58cm, D38xH51cm, D30xH46cm	Bộ	30	95,1	Tân Vũ
	Giỏ mây, kích thước 61x31x35cm	Cái	25	59,4	Lạch Huyện

Thông tin Thương mại chuyên ngành SẢN PHẨM GỖ VÀ HÀNG THỦ CÔNG MỸ NGHỆ

Thị trường	Tên hàng	ĐVT	Lượng	Giá (USD)	Cảng, cửa khẩu
	Kệ mây, kích thước 55x14.5x70cm	Cái	25	28,7	Lạch Huyện
	Khay mây, kích thước 60x35x11/21cm	Cái	25	25,5	Lạch Huyện
	Đĩa cối bộ 3 mã GIX695: Fi30cm; Fi40cm; Fi50cm	Bộ	200	21,0	Đình Vũ Nam Hải
Tây Ban Nha	Túi cối, Seagrass bag, item code: SGHB01, kích thước: 40 x 15 x 25/40cm	Cái	200	11,7	Hải Phòng
	Giỏ tre, kích cỡ 30x21xH15/28cm	Cái	208	7,8	Hải Phòng
Thụy Điển	Bàn mây, kích cỡ D40xH53m	Cái	260	15,1	Cảng Xanh
	Chao đèn mây, kích cỡ D62xH18.5cm	Cái	768	10,9	Cảng Xanh
	Đèn tre, kích cỡ D40x40cm	Cái	500	7,5	Cảng Xanh
Trung Quốc	Chậu cối trắng xi măng hình tròn Bộ 3 - KT 42.0x42.0x52.0H/ 31.0x31.0x40.0H/ 24.0x24.0x31.0H(cm)	Bộ	80	54,6	Cát Lái
	Bộ 4 sọt lục bình, KT:54x42x53(cm)	Bộ	66	26,9	Cát Lái
	Tấm lót sơn mài cốt tre KC204 ; KT: 37 cm x 37cm x 48cm	Cái	1.000	14,0	Tân Vũ
	Khung gương sơn mài cốt tre KC205 ; KT: Phi 60 cm x 3cm	Cái	1.000	13,5	Tân Vũ

(Số liệu thống kê sơ bộ chỉ sử dụng để tham khảo)

THÔNG TIN THỊ TRƯỜNG QUỐC TẾ

Nga cấm xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ sang phương Tây

Theo nguồn woodworkingnetwork.com, Nga đã ban hành lệnh cấm xuất khẩu đối với một số sản phẩm như gỗ và các sản phẩm lâm nghiệp sang các nước Phương Tây nhằm phản ứng lại các lệnh trừng phạt của các nước Phương Tây. Lệnh cấm sẽ được áp dụng cho đến cuối năm 2022.

Tác động của cuộc xung đột vũ trang giữa Nga và Ucraina, ước khoảng 10% ván ép gỗ cứng của Nga xuất khẩu sang Mỹ, được sử dụng trong các mặt hàng hoàn thiện như tủ bếp, phương tiện giải trí, nhà di động, sàn và đồ nội thất, có thể bị cắt bỏ do lệnh cấm.

Ngoài ra, Nga là nước xuất khẩu gỗ lớn nhất thế giới, chủ yếu là gỗ mềm, với trị giá xuất khẩu khoảng 12 đến 14 tỷ USD trong năm 2021 và hầu hết gỗ đang được xuất khẩu trực tiếp hoặc gián tiếp cho Mỹ, Liên minh Châu Âu, Anh, Nhật Bản và Trung Quốc.

Mỹ xuất khẩu gỗ cứng tới Ấn Độ tăng mạnh trong năm 2021

Theo Hội đồng Xuất khẩu Gỗ cứng Mỹ (AHEC), xuất khẩu gỗ cứng của Mỹ tới Ấn Độ trong năm 2021 tăng gấp đôi cả về lượng và trị giá so với năm 2020.

Tổng trị giá gỗ xẻ, gỗ tròn và ván lạng của Mỹ xuất khẩu sang Ấn Độ đạt 12,22 triệu USD trong năm 2021, bất chấp tình trạng khan hiếm gỗ xẻ trên toàn cầu, giá cước vận tải và tình trạng container không ổn định, và giá cả gỗ nguyên liệu tăng trên. Nhìn chung, xuất khẩu gỗ xẻ và ván lạng của Mỹ sang Ấn Độ đều tăng so với năm 2020, trong khi xuất khẩu gỗ tròn giảm, phù hợp với sự thay đổi chung trong những năm gần đây của người mua Ấn Độ, với nhu cầu nhập khẩu gỗ xẻ sấy khô có giá trị tăng cao thay vì nhập khẩu gỗ tròn.

Số liệu thống kê từ Bộ Nông nghiệp Mỹ (USDA), gỗ xẻ từ Mỹ xuất khẩu tới thị trường Ấn Độ trong năm 2021 đạt 11,109 nghìn m³, trị giá 6,5 triệu USD, tăng 292% về lượng và tăng 288% về trị giá so với năm 2020.

Xuất khẩu trực tiếp ván lạng gỗ cứng của Mỹ sang thị trường này đạt 2,69 triệu USD, tăng 9% so với năm 2020. Trong khi đó, xuất khẩu gỗ tròn sang thị trường Ấn Độ đạt 3,03 triệu USD, giảm 3% so với năm 2020.

Năm loại gỗ cứng hàng đầu của Mỹ được xuất khẩu tới Ấn Độ là gỗ hickory, sồi trắng, trần đỏ, sồi đỏ và tần bì. Trị giá và khối lượng xuất khẩu của tất cả các loại gỗ này đều tăng đáng kể, trong đó gỗ sồi đỏ tăng mạnh nhất đạt 1,35 nghìn m³, trị giá 815 nghìn USD, tăng 696% về trị giá và 731% về lượng so với năm 2020.

Nhằm hỗ trợ và duy trì mối quan tâm ngày càng tăng này đối với gỗ cứng của Mỹ, AHEC đã công bố sự tham gia tại INDIAWOOD, diễn ra từ ngày 2 đến ngày 6/6/2022 tại Trung tâm Triển lãm Quốc tế Bangalore.

Theo đại diện AHEC, nguồn cung gỗ cứng trong nước hạn chế, cùng với sự tăng trưởng bền vững và mạnh trong lĩnh vực đồ nội thất bán lẻ, thủ công mỹ nghệ và khách sạn đã thúc đẩy nhu cầu về các loại gỗ mới, khiến Ấn Độ trở thành thị trường tiềm năng lâu dài và hấp dẫn đối với gỗ cứng của Mỹ.

EU dự kiến thiếu gỗ sau khi xung đột vũ trang giữa Nga và Ucraina xảy ra

Theo nguồn panelsfurnitureasia.com, năm 2021, EU nhập khẩu gỗ và đồ nội thất bằng gỗ từ Nga, Belarus và Ucraina đạt 6,71 tỷ USD, chiếm gần 1/3 tổng giá trị nhập khẩu các mặt hàng này của EU.

Tổng giá trị nhập khẩu gỗ và sản phẩm nội thất bằng gỗ của EU27 từ tất cả các quốc gia trong năm 2021 là 21,34 tỷ USD, tăng 40% so với năm 2020. Nhập khẩu từ Trung Quốc đạt 5,72 tỷ USD, tăng 42%; Nga đạt 3,28 tỷ USD, tăng 63%; Belarus đạt 1,7 tỷ USD, tăng 63% và từ Ucraina đạt 1,74 tỷ USD, tăng 55%.

Năm 2021, trong tổng lượng nhập khẩu của EU là 26,4 triệu tấn gỗ và đồ nội thất bằng gỗ đạt 14,1 triệu tấn, lượng nhập khẩu từ 3 Nga, Belarus và Ucraina chiếm 53% tổng lượng gỗ và sản phẩm nội thất bằng gỗ nhập khẩu của EU

Với tình hình hiện tại, có khả năng phần lớn thương mại sản phẩm gỗ của EU với Nga, Belarus và Ucraina sẽ ngừng trong năm 2022. Vào ngày 02/3/2022, EU đã áp đặt các biện pháp trừng phạt thương mại đối với Belarus về gỗ cùng với nhiều mặt hàng khác.

Các biện pháp trừng phạt của EU đối với gỗ nhập khẩu từ Nga vẫn chưa được công bố, nhưng vào ngày 10/3/2022, Bộ Công nghiệp và Thương mại Nga, đã có lệnh cấm đối với tất cả các mặt hàng gỗ và các mặt hàng liên quan đến gỗ xuất khẩu sang các quốc gia như EU, Anh và Mỹ, lệnh cấm này sẽ áp dụng cho đến cuối năm 2022. Với lệnh cấm ngày của Nga, dự kiến EU sẽ thiếu hụt nguồn cung gỗ nguyên liệu trong năm 2022.

Đồng thời, một số ngân hàng của Nga bị loại khỏi hệ thống SWIFT, điều này khiến nhiều công ty Nga không thể tham gia thương mại quốc tế một cách hiệu quả.

Các công ty EU cũng đang thông báo tự nguyện rút khỏi thương mại với Nga và Belarus. Điển hình là IKEA, công ty Nga là nhà cung cấp sản phẩm gỗ lớn thứ hai, sau Ba Lan.

THAM KHẢO

Danh sách cảnh báo sản phẩm có nguy cơ áp dụng biện pháp chống lẩn tránh, gian lận xuất xứ, chuyển tải bất hợp pháp hoặc biện pháp phòng vệ thương mại

Theo Cục phòng vệ Thương mại – Bộ Công Thương, trong danh sách cảnh báo sản phẩm có nguy cơ bị áp dụng biện pháp chống lẩn tránh, gian lận xuất xứ, chuyển tải bất hợp pháp hoặc biện pháp phòng vệ thương mại (cập nhật đến tháng 11 năm 2021), có 11 sản phẩm thì có 4 sản phẩm gỗ và đều xuất khẩu sang thị trường Mỹ.

1. Gỗ dán từ nguyên liệu gỗ cứng (hardwood plywood) xuất khẩu sang Mỹ

Các mã HS tham khảo: 4412.31, 4412.32, 4412.33, 4412.34, 4412.94, 4412.99

Kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam sang Mỹ tăng nhanh từ 33,4 triệu USD năm 2016 lên 322,2 triệu USD năm 2019. Trong giai đoạn 12 tháng từ tháng 12/2020 đến tháng 11/2021, kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam đạt 516 triệu USD, tăng 39,5% so với cùng kỳ năm trước. Thị phần của Việt Nam có xu hướng tăng. Kim ngạch nhập khẩu từ Việt Nam chiếm 25,5% tổng kim ngạch nhập khẩu của Mỹ.

Mỹ đã chính thức áp thuế chống bán phá giá và chống trợ cấp đối với sản phẩm tương tự nhập khẩu từ Trung Quốc kể từ tháng 11 năm 2017. Tháng 10 năm 2019, Cơ quan Hải quan và Bảo vệ biên giới Mỹ thông báo chính thức điều tra trốn tránh nghĩa vụ nộp thuế (evasion) đối với một số công ty Mỹ nhập khẩu gỗ dán từ Việt Nam. Tháng 6 năm 2020, Bộ Thương mại Mỹ đã khởi xướng điều tra lẩn tránh biện pháp PVTM (circumvention) đối với toàn bộ sản phẩm gỗ dán nhập khẩu từ Việt Nam. Hiện tại, DOC đang gia hạn thời gian ban hành kết luận đến tháng 4 năm 2022

Bên cạnh đó, tháng 10 năm 2020, Cơ quan Đại diện Thương mại Mỹ đã khởi xướng điều tra về tình hình nhập khẩu và sử dụng gỗ nguyên liệu được khai thác và buôn bán bất hợp pháp tại Việt Nam. Để giải quyết quan ngại của Mỹ, ngày 01 tháng 10 năm 2021, Việt Nam đã ký thỏa thuận với Mỹ cam kết tăng cường kiểm soát nguồn gốc và chuỗi cung ứng gỗ, mở rộng thị trường xuất khẩu, cải thiện thể chế quản lý rừng, giải quyết tình trạng khai thác và thương mại gỗ trái phép.

2. Tủ gỗ (Wooden cabinets and vanities) xuất khẩu sang Mỹ

Các mã HS tham khảo: 9403.40, 9403.60

Kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam đã tăng mạnh từ 913 triệu USD năm 2018 lên 1,37 tỷ USD năm 2019 (tăng 50%). Trong giai đoạn 12 tháng từ tháng 12 năm 2020 đến tháng 11 năm 2021, kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam tiếp tục tăng 28,3% so với cùng kỳ năm trước lên gần 2,8 tỷ USD. Kim ngạch nhập khẩu từ Việt Nam chiếm 32,3% tổng kim ngạch nhập khẩu của Mỹ.

Mỹ chính thức áp dụng thuế chống bán phá giá và chống trợ cấp đối với các sản phẩm tương tự nhập khẩu từ Trung Quốc kể từ tháng 02 năm 2020 với mức thuế chống bán phá giá từ 4,37% đến 262,18%, mức thuế chống trợ cấp từ 13,33% đến 293,45%. Theo báo cáo của Thương vụ Việt Nam tại Mỹ, Cơ quan Hải quan và Biên giới Mỹ (CBP) đang điều tra một công ty bị cáo buộc trốn tránh nghĩa vụ nộp thuế chống bán phá giá/chống trợ cấp mà Mỹ đang áp dụng với sản phẩm tủ gỗ nội thất của Trung Quốc thông qua việc chuyển tải sản phẩm này qua Việt Nam.

Với tốc độ tăng trưởng cao và chiếm tỷ trọng lớn trong tổng nhập khẩu của Mỹ, tồn tại khả năng Mỹ khởi xướng điều tra về PVTM hoặc lẩn tránh biện pháp PVTM đối với mặt hàng tủ gỗ nhập khẩu từ Việt Nam.

3. Ghế sofa có khung gỗ (Seats with wooden frames, upholstered) xuất khẩu sang Mỹ

Mã HS tham khảo: 9401.61

Kim ngạch của Việt Nam đã tăng nhanh từ 819 triệu USD năm 2018 lên 1,4 tỷ USD năm 2019 và 2,1 tỷ USD năm 2020. Trong giai đoạn 12 tháng từ tháng 12 năm 2020 đến tháng 11 năm 2021, kim ngạch của Việt Nam lên đến 3,1 tỷ USD, tăng 52,1% so với cùng kỳ năm trước. Thị phần của Việt Nam có xu hướng tăng. Hiện tại, kim ngạch nhập khẩu từ Việt Nam chiếm 38,3% tổng kim ngạch nhập khẩu của Mỹ. Mặt hàng này nằm trong danh sách các mặt hàng nhập khẩu từ Trung Quốc đang bị Mỹ áp thuế 25%.

Với tốc độ tăng trưởng cao và chiếm tỷ trọng lớn trong tổng nhập khẩu của Mỹ, tồn tại khả năng Mỹ khởi xướng điều tra PVTM hoặc lẩn tránh thuế đối với mặt hàng ghế sofa

nhập khẩu từ Việt Nam.

Một sản phẩm tương tự là ghế bọc đệm có mã HS 9401.40, 9401.61 và 9401.71 có xuất xứ từ Việt Nam cũng đã bị Ca-na-đa khởi xướng điều tra CBPG, CTC vào tháng 12 năm 2020. Ngày 03 tháng 8 năm 2021, cơ quan điều tra Ca-na-đa đã ban hành kết luận điều tra cuối cùng, theo đó xác định biên độ phá giá của các doanh nghiệp sản xuất, xuất khẩu Việt Nam là từ 9,9% đến 179,5%, và biên độ trợ cấp từ 0% đến 5,5%. Tổng mức thuế CBPG và CTC mà các doanh nghiệp Việt Nam phải nộp là từ 9,9% đến 185% tùy từng doanh nghiệp.

4. Gỗ thanh và viên dài gỗ được tạo dáng liên tục (Wood mouldings, millwork products) xuất khẩu sang Mỹ

Mã HS tham khảo: 4409.10, 4409.22, 4409.29

Kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam bắt đầu có dấu hiệu tăng từ tháng 11 năm 2020. Trong giai đoạn 12 tháng từ tháng 12 năm 2020 đến tháng 11 năm 2021, kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam đạt 42,3 triệu USD, tăng 212% so với cùng kỳ năm trước. Thị phần của Việt Nam có xu hướng tăng. Hiện tại, kim ngạch nhập khẩu từ Việt Nam chiếm 2,5% tổng kim ngạch nhập khẩu của Mỹ.

Mặc dù tỷ trọng của Việt Nam trong tổng nhập khẩu của Mỹ còn thấp nhưng Mỹ đã áp dụng biện pháp chống bán phá giá và chống trợ cấp đối với mặt hàng tương tự của Trung Quốc từ tháng 12 năm 2020 với mức thuế suất tương đối cao (thuế chống bán phá giá thấp nhất là 33,87%, thuế chống trợ cấp thấp nhất là 20,56%) nên cần giám sát việc cấp giấy chứng nhận xuất xứ và khai báo xuất xứ đối với mặt hàng này để ngăn chặn các hành vi gian lận có thể xảy ra nhằm hưởng lợi từ chênh lệch thuế.

Đây là mặt hàng mới được đưa vào Danh sách cảnh báo. Theo số liệu thống kê của Mỹ (USITC), trong năm 2021, lượng nhập khẩu CORE từ Việt Nam tăng đột biến, đạt khoảng 335.000 tấn, tăng gần gấp 3 lần so với năm 2020. Trong giai đoạn 12 tháng từ tháng 12 năm 2020 đến tháng 11 năm 2021, kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam sang Mỹ đạt 374 triệu USD, nhập khẩu từ Việt Nam chiếm 4,8% trong tổng nhập khẩu của Mỹ trong giai đoạn tháng 12 năm 2020 đến tháng 11 năm 2021.

Diện tích rừng trồng 2 tháng đầu năm 2022 tăng 6,3% so với cùng kỳ năm 2021

Theo Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, ước tính trong tháng 2/2022, diện tích rừng trồng mới tập trung của cả nước ước tính đạt 9,5 nghìn ha, tăng 6,7% so với cùng kỳ năm 2021. Tính chung 2 tháng đầu năm 2022, diện tích rừng trồng mới tập trung ước đạt 16,8 nghìn ha, tăng 6,3% so với cùng kỳ năm 2021; số cây lâm nghiệp trồng phân tán đạt 13,6 triệu cây, tăng 4,6%; sản lượng gỗ khai thác đạt 1.923,3 nghìn m³, tăng 4,2%; sản lượng củi khai thác đạt 3 triệu ste, giảm 0,3% so với cùng kỳ năm 2021.

Diện tích rừng bị thiệt hại trong tháng 2/2022 là 68 ha, giảm 48,7% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung 2 tháng đầu năm 2022, cả nước có 137,6 ha diện tích rừng bị thiệt hại, giảm 47,8% so với cùng kỳ năm trước, trong đó: Diện tích rừng bị cháy là 1,6 ha, giảm 98,3%; diện tích rừng bị chặt, phá là 136 ha, giảm 19,5%.

Bản tin Thông tin Thương mại chuyên ngành **Sản phẩm gỗ & Hàng TCMN**

Giấy phép xuất bản: **45/GP-XBBT** do Cục Báo chí cấp ngày 19 tháng 8 năm 2021

Kỳ hạn xuất bản: **Hàng tuần**

In tại: **Hà Nội**